

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên học phần tiếng Việt: *Nghe - Nói I*
- Mã học phần: 121647

2. Tên học phần tiếng Anh: *Listening - Speaking I*

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở | <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành | <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp |
4. Số tín chỉ: 3 (2,1,6)

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
60	60	0	60

5. Phụ trách học phần:

a. Đơn vị phụ trách: Ngành NNA – Khoa NN-KHXH

b. Giảng viên: ThS Nguyễn Thị Xuân Mai

c. Địa chỉ email liên hệ: mainix@bvu.edu.vn

d. Điện thoại: 0938897793

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. Mô tả học phần:

Học phần Nghe & Nói I trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề như thương mại, khoa học nhận thức, xã hội học, sinh lý học, tâm lý học, marketing, khoa học hành vi. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao tiếp bằng mắt, kỹ năng ghi chú, kỹ năng tư duy, kỹ năng lắng nghe trong suốt quá trình học.

CO4	+ Trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, thương mại, du lịch.	PLO6
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Giúp sinh viên chủ động và tự giác trong học tập, phát huy tính năng động, sáng tạo và khả năng tìm hiểu, nghiên cứu các nguồn thông tin khác, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PLO9

4. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR	
CO1	CLO1.1	Biết được kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người đã học trong học phần.	
	CLO1.2	Nhớ được từ vựng theo chủ đề trong các lĩnh vực khoa học đời sống, tự nhiên và xã hội.	
	CLO1.3	Nhớ được các quy tắc về phát âm, trọng âm cơ bản và phát âm đúng, ngữ điệu phù hợp.	
CO2	CLO2.1	Thông hiểu những mẫu câu tiếng Anh đã học trong học phần nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp, làm việc, giảng dạy tiếng Anh.	
	CLO2.2	Xác định được kỹ thuật nghe và nói cần trong tình huống giao tiếp cụ thể.	
	CLO2.3	Hiểu kiến thức thuyết trình đề cơ bản trình bày được các bài nói theo chủ đề.	
CO3	CLO3.1	Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ Anh đã học trong học phần vào giao tiếp và chuyên môn.	
	CLO3.2	Áp dụng các kỹ thuật giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nâng cao kỹ năng giao tiếp của bản thân.	
	CLO3.3	Sử dụng kỹ năng tư duy hệ thống và phân biện để tăng mức độ thấu hiểu lý thuyết đã biết, củng cố cách lập luận, nâng cao hiệu quả xử lý công việc và giải quyết vấn đề.	

đánh giá				
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
A1. Đánh giá quá trình	<p>- Thực hiện đầy đủ nội quy lớp học;</p> <p>- Tinh chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài giờ học theo yêu cầu của giảng viên;</p> <p>- Hoàn thành các bài tập thực hành ở nhà và nộp bài đầy đủ;</p> <p>- Tích cực tương tác trong các hoạt động tại lớp học.</p> <p>Tiêu chí đánh giá: Số điểm tùy theo mức độ đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của giảng viên (Theo mục tiêu của học phần).</p>	Trong từng buổi học	CLO5	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ dựa trên nội dung đã học tại lớp theo hình thức trắc nghiệm và tự luận.</p> <p>Tiêu chí đánh giá: Theo mức độ hiểu, ứng dụng lý thuyết vào giao tiếp thực tế, theo yêu cầu của giảng viên.</p>	Tuần thứ 6	CLO1, CLO3, CLO5	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	<p>Hình thức: Vấn đáp</p> <p>Tiêu chí đánh giá bài thi:</p> <p>Về hình thức: Khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, thuyết trình;</p> <p>Về nội dung: Diễn đạt đúng, đủ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học;</p> <p>Về các yếu tố khác theo yêu cầu của bài đánh giá cuối kỳ.</p>	Kết thúc học phần ít nhất 1 tuần. (Theo lịch thi chung của Trường)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
Tổng cộng				100%

7. Kế hoạch giảng dạy:

a. Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học:

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm, cụ thể như sau: trò chơi, bài tập tình huống, thảo luận theo nhóm, đóng kịch, hỏi – đáp nhanh, hoạt động ngoại khóa ...

b. Phương tiện dạy và học:

Phương tiện dạy học bao gồm: máy chiếu, bảng, giấy (A0, A4, A5, ...), giấy màu, kéo, bút lông màu...

2 buổi (6 tiết)	<p>Can we change our brains? Listening 2: Brain Food Critical Thinking Strategy: Providing support for a suggestion Work with the Video: How Babies' Brains Develop Vocabulary Skill: Words in context Grammar: Should and shouldn't; It's + adjective + infinitive Pronunciation: The schwa /ə/ sound Speaking Skill: Presenting information from notes Unit Assignment: Give a presentation</p>	<p>CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5</p>	<p>các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.</p>	<p>hành ngôn ngữ + Tự luận.</p>	[1,2]b
Tuần 4/ 2 buổi (6 tiết)	<p>UNIT 3 Sociology – What is the best kind of vacation? Note-taking Skill: Marking important information in notes. Critical Thinking Strategy: Deciding what is important Listening 1: Places in Danger Listening Skill: Understanding numbers and dates Listening 2: A Helpful Vacation Work with the Video: Tourism in Hawaii Vocabulary Skill: Suffixes -ful and -ing Grammar: Be going to Pronunciation: Reduction of be going to</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5</p>	<p>Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.</p>	<p>Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.</p>	[1,2]a, [1,2]b
Tuần 5/2 buổi (6 tiết)	<p>UNIT 3 Sociology – What is the best kind of vacation? Speaking Skill: Introducing topics in a presentation Unit Assignment: Plan and present a travel tour</p> <p>REVIEW 1+2+3</p>	<p>CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1 CLO4.2 CLO5</p>	<p>Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá</p>	<p>Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.</p>	[1,2]a, [1,2]b

Tuần 9/2 buổi (6 tiết)	UNIT 5 Psychology – Why do we enjoy sports? Speaking Skill: Asking for and giving opinions Critical Thinking Strategy: Ranking Unit Assignment: Interview a group about sports preferences REVIEW 4 + 5	CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL04.1 CL04.2 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2]b
Tuần 10/2 buổi (6 tiết)	REVIEW FINAL TEST: LISTENING TEST	CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL04.1 CL04.2 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Bài kiểm tra (Trắc nghiệm + Tự luận). Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2]b

8. Quy định của học phần:

- Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình:** Điểm trung bình của các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, điểm chuyên cần thái độ học tập chiếm tỷ lệ 20%
- Quy định về đánh giá giữa kỳ:** Bài kiểm tra giữa kỳ: chiếm 20% tổng điểm thành phần (Listening). Giảng viên tự tổ chức kiểm tra giữa kỳ cho sinh viên và báo lịch kiểm tra giữa kỳ về Khoa quản lý học phần trước 2 tuần.
- Quy định về đánh giá cuối kỳ:** Chiếm 60% trong đó thi Listening tại lớp. Riêng kỹ năng Speaking Khoa tổ chức thi tập trung theo lịch thi và đề thi của Khoa
- Quy định về cảm thi cuối kỳ:** Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học của học phần sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

e. Nội quy lớp học:

Cam kết của giảng viên	Giang dạy đúng theo đề cương, kế hoạch giảng dạy; Phương pháp giảng dạy tích cực; Học qua trải nghiệm; Đảm bảo thời lượng giảng dạy và các quy định khác đảm bảo chất lượng;
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham dự lớp đầy đủ; Đi học đúng giờ; Mang thẻ đeo và sổ tay kỹ năng khi đến lớp; Hoàn thành tốt nhất các yêu cầu bài tập được giao về nhà và tại lớp;
Quy định về hành	Nghiêm túc, tích cực; Giao tiếp, ứng xử văn minh, lịch sự; Diện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁ RỊA VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên học phần tiếng Việt: *Nghe - Nói 2*

- Mã học phần: 121728

2. Tên học phần tiếng Anh: *Listening - Speaking 2*

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Giáo dục đại cương

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức cơ sở

☐ Kiến thức bổ trợ

☐ Kiến thức ngành

☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

4. Số tín chỉ: 3 (2,1,6)

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
60	60	0	60

5. Phụ trách học phần:

a. Đơn vị phụ trách: Ngân NNA – Khoa NN-KHXH

b. Giảng viên: ThS Nguyễn Thị Xuân Mai

c. Địa chỉ email liên hệ: maintx@bvu.edu.vn

d. Điện thoại: 0938897793

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. Mô tả học phần:

Học phần Nghe & Nói 2 trang bị cho sinh viên một số kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề thông dụng hàng ngày như kinh tế, marketing, tâm lý, tâm lý xã hội, kỹ thuật, xã hội học, khoa học hành vi, khoa học môi trường, và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, sinh viên còn được

CO3	+ Giúp cho sinh viên biết cách vận dụng hiệu quả các kỹ thuật giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp ở các tình huống giao tiếp cụ thể trong cuộc sống. + Trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy hệ thống và phân biện.	PL06
CO4	+ Trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, thương mại, du lịch.	PL06
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Giúp sinh viên chủ động và tự giác trong học tập, phát huy tính năng động, sáng tạo và khả năng tìm hiểu, nghiên cứu các nguồn thông tin khác, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PL09

4. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1.1	Biết được kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người đã học trong học phần.
	CLO1.2	Nhớ được từ vựng theo chủ đề trong các lĩnh vực khoa học đời sống, tự nhiên và xã hội.
	CLO1.3	Nhớ được các quy tắc về phát âm, trọng âm cơ bản và phát âm đúng, ngữ điệu phù hợp.
CO2	CLO2.1	Thông hiểu những mẫu câu tiếng Anh đã học trong học phần nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp, làm việc, giảng dạy tiếng Anh.
	CLO2.2	Xác định được kỹ thuật nghe và nói cần trong tình huống giao tiếp cụ thể.
	CLO2.3	Hiểu kiến thức thuyết trình để cơ bản trình bày được các bài nói theo chủ đề.
CO3	CLO3.1	Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ Anh đã học trong học phần trong giao tiếp và chuyên môn.

Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Thời điểm	CDR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
A1. Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ nội quy lớp học; - Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài giờ học theo yêu cầu của giảng viên; - Hoàn thành các bài tập thực hành ở nhà và nộp bài đầy đủ; - Tích cực tương tác trong các hoạt động tại lớp học. <p>Tiêu chí đánh giá: Số điểm tùy theo mức độ đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của giảng viên (Theo mục tiêu của học phần).</p>	Trong từng buổi học	CLO5	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ dựa trên nội dung đã học tại lớp theo hình thức trắc nghiệm và tự luận.</p> <p>Tiêu chí đánh giá: Theo mức độ hiểu, ứng dụng lý thuyết vào giao tiếp thực tế, theo yêu cầu của giảng viên.</p>	Tuần thứ 6	CLO1, CLO3, CLO5	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	<p>Hình thức: Vấn đáp</p> <p>Tiêu chí đánh giá bài thi:</p> <p>Về hình thức: Khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, thuyết trình; Về nội dung: Diễn đạt đúng, đủ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học; Về các yếu tố khác theo yêu cầu của bài đánh giá cuối kỳ.</p>	Kết thúc học phần ít nhất 1 tuần. (Theo lịch thi chung của Trường)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
Tổng cộng				100%

7. Kế hoạch giảng dạy:

a. Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học:

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm, cụ thể như sau: trò chơi, bài tập tình huống, thảo luận theo nhóm, đóng kịch, hỏi – đáp nhanh, hoạt động ngoại khóa

b. Phương tiện dạy và học:


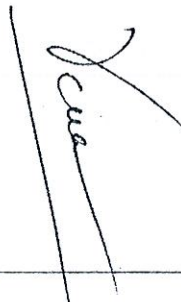

	Note-taking Skill: Using visual Listening 1: The Colors of Nature Listening Skill: Understanding cause and effect Critical Thinking Strategy: Evaluating cause-and-effect statements					
Tuần 3/ 2 buổi (6 tiết)	Unit 2: Psychology — How can colors be useful? Listening 2: Colorful Homes. Work with the Video: Color Branding Vocabulary Skill: Word families: nouns and verbs. Grammar: There's and it's... Pronunciation: Schwa /ə/ in unstressed syllables Speaking Skill: Asking for and giving examples Unit Assignment: Present a building design	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2]b	
Tuần 4/ 2 buổi (6 tiết)	Unit 3: Social Psychology — Why are social skills important? Listening 1: Be Polite Listening Skill: Predicting Critical Thinking Strategy: Applying what you learn Note-taking Skill: Organizing notes Listening 2: Classroom Etiquette Work with the Video: Making Small Talk Vocabulary Skill: SYNONYMS Grammar: Modal verbs should and shouldn't. Pronunciation: Final /s/ or /z/ sounds	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2]b	

Tuần 8/2 buổi (6 tiết)	Unit 5: Sociology — What does it mean to be part of a family? Note-taking Skill: Using a simple outline Listening 1: Twins in the Family Listening Skill: Listening for reasons and explanations Listening 2: Family History Critical Thinking Strategy: Ranking Work with the Video: Nadiya's Family Vocabulary Skill: Word families: verbs, nouns, adjectives Grammar: Auxiliary verbs in Questions Pronunciation: Intonation in questions with OR	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành nhóm, thảo luận thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2]b
Tuần 9/2 buổi (6 tiết)	Unit 5: Sociology — What does it mean to be part of a family? Speaking Skill: Expressing Opinions. Unit Assignment: Give a short speech REVIEW 4 + 5	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1 CLO4.2 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2]b
Tuần 10/2 buổi (6 tiết)	REVIEW FINAL TEST: LISTENING TEST	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1 CLO4.2 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Bài kiểm tra (Trắc nghiệm + Tự luận). Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2]b

8. Quy định của học phần:

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁRỊA VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên học phần tiếng Việt: *Nghe - Nói 3*

- Mã học phần: 121729

2. Tên học phần tiếng Anh: *Listening - Speaking 3*

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Giáo dục đại cương

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức cơ sở

☐ Kiến thức bổ trợ

☐ Kiến thức ngành

☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

4. Số tín chỉ: 3 (2,1,6)

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
60	60	0	60

5. Phụ trách học phần:

a. Đơn vị phụ trách: Ngành NNA – Khoa NN-KHXH

b. Giảng viên: ThS Nguyễn Thị Xuân Mai

c. Địa chỉ email liên hệ: maintx@bvu.edu.vn

d. Điện thoại: 0938897793

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. Mô tả học phần:

Học phần Nghe & Nói 3 trang bị cho sinh viên một số kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề thông dụng hàng ngày như xã hội học, khoa học sức khỏe, tâm lý, marketing, khoa học hành vi, thần kinh học và kinh tế học. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng trình bày, giao

CO3	+ Giúp cho sinh viên biết cách vận dụng hiệu quả các kỹ thuật giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp ở các tình huống giao tiếp cụ thể trong cuộc sống. + Trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy hệ thống và phân biện.	PL06
CO4	+ Trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, thương mại, du lịch.	PL06
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Giúp sinh viên chủ động và tự giác trong học tập, phát huy tính năng động, sáng tạo và khả năng tìm hiểu, nghiên cứu các nguồn thông tin khác, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PL09

4. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PL0: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR	
CO1	CLO1.1	Biết được kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người đã học trong học phần.	
	CLO1.2	Nhớ được từ vựng theo chủ đề trong các lĩnh vực khoa học đời sống, tự nhiên và xã hội.	
	CLO1.3	Nhớ được các quy tắc về phát âm, trọng âm cơ bản và phát âm đúng, ngữ điệu phù hợp.	
CO2	CLO2.1	Thông hiểu những mẫu câu tiếng Anh đã học trong học phần nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp, làm việc, giảng dạy tiếng Anh.	
	CLO2.2	Xác định được Kỹ thuật nghe và nói cần trong tình huống giao tiếp cụ thể.	
	CLO2.3	Hiểu kiến thức thuyết trình để cơ bản trình bày được các bài nói theo chủ đề.	
CO3	CLO3.1	Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ Anh đã học trong học phần trong giao tiếp và chuyên môn.	

6. Đánh giá học phần:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Thời điểm	CDR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
A1. Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ nội quy lớp học; - Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài giờ học theo yêu cầu của giảng viên; - Hoàn thành các bài tập thực hành ở nhà và nộp bài đầy đủ; - Tích cực tương tác trong các hoạt động tại lớp học. <p>Tiêu chí đánh giá: Số điểm tùy theo mức độ đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của giảng viên (Theo mục tiêu của học phần).</p>	Trong từng buổi học	CLO5	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ dựa trên nội dung đã học tại lớp theo hình thức trắc nghiệm và tự luận.</p> <p>Tiêu chí đánh giá: Theo mức độ hiểu, ứng dụng lý thuyết vào giao tiếp thực tế, theo yêu cầu của giảng viên.</p>	Tuần thứ 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	<p>Hình thức: Vấn đáp</p> <p>Tiêu chí đánh giá bài thi:</p> <p>Về hình thức: Khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, thuyết trình; Về nội dung: Diễn đạt đúng, đủ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học; Về các yêu tố khác theo yêu cầu của bài đánh giá cuối kỳ.</p>	Kết thúc học phần ít nhất 1 tuần. (Theo lịch thi chung của Trường)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
Tổng cộng				100%

7. Kế hoạch giảng dạy:

a. Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học:


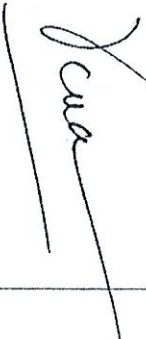

Tuần 2/2 buổi (6 tiết)	UNIT 1: Sociology - Are first impressions accurate? Speaking Skill: Taking conversation turns Unit Assignment: Give a short talk UNIT 3: Psychology - In what ways is change good or bad? Note-taking Skill: Taking notes about events. Listening 1: Shaped by Change, Promoting Change Listening Skill: Listening for time markers	CL01.1 CL01.2 CL01.3 CL02.1 CL02.2 CL02.3 CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, tình huống, thảo luận,...	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 3/ 2 buổi (6 tiết)	UNIT 3: Psychology - In what ways is change good or bad? Listening 2: An Interview with Barbara Ehrenreich. Critical Thinking Strategy: Summarizing information you hear Work with the Video: Recession Gives New Opportunities Vocabulary Skill: Using a word web Grammar: Tag questions Pronunciation: Intonation in tag questions Speaking Skill: Asking for and giving reasons Unit Assignment: Take part in a group discussion	CL01.1 CL01.2 CL01.3 CL02.1 CL02.2 CL02.3 CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành nhóm, thảo luận thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 4/ 2 buổi (6 tiết)	UNIT 4: Marketing - How does advertising affect our behavior? Listening 1: Targeting Children with Advertising Listening Skill: Identifying fact and opinion Listening 2: The Influence of Online Ads Critical Thinking Strategy: Evaluating the truthfulness of claims	CL01.1 CL01.2 CL01.3 CL02.1 CL02.2 CL02.3 CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b

	and organizing notes from a discussion Unit Assignment: Take part in a group discussion				
Tuần 8/2 buổi (6 tiết)	UNIT 8: Behavioral Science - What can we learn from success and failure? Listening 1: Learning from Failure Listening Skill: Listening for examples Critical Thinking Strategy: Paraphrasing Listening 2: An Interview with Mohannad Abu-dayyah Work with the Video: Hurricane Katrina Vocabulary Skill: Prefixes Grammar: Simple past and present perfect Pronunciation: Varying intonation to maintain interest	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 9/2 buổi (6 tiết)	UNIT 8: Behavioral Science - What can we learn from success and failure? Speaking Skill: Asking for and giving clarification Note-taking Skill: Taking notes with examples Unit Assignment: Take part in a pair discussion REVIEW 7 + 8	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1 CLO4.2 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 10/2 buổi (6 tiết)	REVIEW FINAL TEST: LISTENING TEST	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1 CLO4.2 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Bài kiểm tra (Trắc nghiệm + Tự luận). Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2,3]b

8. Quy định của học phần:

a. Ngày cấp nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cấp nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁ RỊA VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên học phần tiếng Việt: *Nghe - Nói 4*

- Mã học phần: 120232

2. Tên học phần tiếng Anh: *Listening - Speaking 4*

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Giáo dục đại cương

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức cơ sở

☐ Kiến thức bổ trợ

☐ Kiến thức ngành

☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

4. Số tín chỉ: 3 (2,1,6)

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
60	60	0	60

5. Phụ trách học phần:

a. Đơn vị phụ trách: Ngành NNA – Khoa NN-KHXH

b. Giảng viên: ThS Nguyễn Thị Xuân Mai

c. Địa chỉ email liên hệ: mainx@bvu.edu.vn

d. Điện thoại: 0938897793

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. Mô tả học phần:

Học phần Nghe & Nói 4 trang bị cho sinh viên một số kỹ năng nghe và nói hiệu quả trong tiếng Anh. Học phần này còn cung cấp vốn từ vựng liên quan đến một số chủ đề thông dụng hàng ngày như kinh tế, khoa học hành vi, tâm lý phát triển, khoa học, khoa học dinh dưỡng, giáo dục, nhân loại học và kỹ thuật. Ngoài ra, sinh viên còn được học các kỹ năng

CO3	+ Giúp cho sinh viên biết cách vận dụng hiệu quả các kỹ thuật giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp ở các tình huống giao tiếp cụ thể trong cuộc sống. + Trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy hệ thống và phân biện.	PLO6
CO4	+ Trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, thương mại, du lịch.	PLO6
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Giúp sinh viên chủ động và tự giác trong học tập, phát huy tính năng động, sáng tạo và khả năng tìm hiểu, nghiên cứu các nguồn thông tin khác, năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PLO9

4. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1.1	Biết được kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người đã học trong học phần.
	CLO1.2	Nhớ được từ vựng theo chủ đề trong các lĩnh vực khoa học đời sống, tự nhiên và xã hội.
	CLO1.3	Nhớ được các quy tắc về phát âm, trọng âm cơ bản và phát âm đúng, ngữ điệu phù hợp.
CO2	CLO2.1	Thông hiểu những mẫu câu tiếng Anh đã học trong học phần nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp, làm việc, giảng dạy tiếng Anh.
	CLO2.2	Xác định được kỹ thuật nghe và nói cần trong tình huống giao tiếp cụ thể.
	CLO2.3	Hiểu kiến thức thuyết trình để cơ bản trình bày được các bài nói theo chủ đề.
CO3	CLO3.1	Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ Anh đã học trong học phần trong giao tiếp và chuyên môn.

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Thời điểm	CBDR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
A1. Đánh giá quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ nội quy lớp học; - Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài giờ học theo yêu cầu của giảng viên; - Hoàn thành các bài tập thực hành ở nhà và nộp bài đầy đủ; - Tích cực tương tác trong các hoạt động tại lớp học. <p>Tiêu chí đánh giá: Số điểm tùy theo mức độ đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của giảng viên (Theo mục tiêu của học phần).</p>	Trong từng buổi học	CLO5	20%
A2. Đánh giá giữa kỳ	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ dựa trên nội dung đã học tại lớp theo hình thức trắc nghiệm và tự luận.</p> <p>Tiêu chí đánh giá: Theo mức độ hiểu, ứng dụng lý thuyết vào giao tiếp thực tế, theo yêu cầu của giảng viên.</p>	Tuần thứ 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	<p>Hình thức: Văn đáp</p> <p>Tiêu chí đánh giá bài thi:</p> <p>Về hình thức: Khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, thuyết trình; Về nội dung: Diễn đạt đúng, đủ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học; Về các yếu tố khác theo yêu cầu của bài đánh giá cuối kỳ.</p>	Kết thúc học phần ít nhất 1 tuần. (Theo lịch thi chung của Trường)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
Tổng cộng				100%

7. Kế hoạch giảng dạy:

a. Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học:




Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm, cụ thể như sau: trò chơi, bài tập tình huống, thảo luận theo nhóm, đóng kịch, hỏi – đáp nhanh, hoạt động ngoại khóa ...

b. Phương tiện dạy và học:

Tuần 2/2 buổi (6 tiết)	UNIT 1: Business - What makes a good leader? Speaking Skill: Checking for understanding Unit Assignment: Give a presentation on how to be an effective leader UNIT 2: Behavioral Science - How does appearance affect our success? Listening 1: A Perfect Mess Listening Skill: Identifying details Note-taking Skill: Taking notes to compare and contrast	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, tình huống, thảo luận....	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 3/ 2 buổi (6 tiết)	UNIT 2: Behavioral Science - How does appearance affect our success? Listening 2: Color Schemes: How Colors Make You Buy Work with the Video: Benefits to Being Messy Vocabulary Skill: Using the dictionary: words with multiple definitions Grammar: Subjunctive for suggestions Pronunciation: Unstressed syllables Critical Thinking Strategy: Restating information Speaking Skill: Confirming understanding Unit Assignment: Role-play a conversation.	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 4/ 2 buổi (6 tiết)	UNIT 3 Developmental Psychology - What skills make someone an adult? Note-taking Skill: Taking notes using key words and phrases Listening 1 (Video): "Adulging" School Listening Skill: Making predictions Critical Thinking Strategy: Assessing predictions	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO5	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b

	words Speaking Skill: Changing the topic Unit Assignment: Reach a group decision				
Tuần 8/2 buổi (6 tiết)	UNIT 8: Engineering - What are the consequences of progress? Listening 1: Automation and Us Listening Skill: Listening for causes and effects Note-taking Skill: Taking notes on causes and effects Listening 2: Driverless Cars Critical Thinking Strategy: Making appraisals Work with the Video: Driverless Trucks Vocabulary Skill: Idioms Grammar: Real conditionals Pronunciation: Thought groups	CL01.1 CL01.2 CL01.3 CL02.1 CL02.2 CL02.3 CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thực hành – thảo luận nhóm, thuyết giảng.	Thực hành ngôn ngữ + Tự luận.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 9/2 buổi (6 tiết)	UNIT 8: Engineering - What are the consequences of progress? Speaking Skill: Adding to another speaker's comments. Unit Assignment: Share opinions about the consequences of progress REVIEW 6 + 8	CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL04.1 CL04.2 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2,3]b
Tuần 10/2 buổi (6 tiết)	REVIEW FINAL TEST: LISTENING TEST	CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL04.1 CL04.2 CL05	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Game, thuyết giảng, làm bài các bài kiểm tra tự đánh giá về kỹ năng Nghe-Nói.	Bài kiểm tra (Trắc nghiệm + Tự luận). Thực hành xây dựng bài thuyết trình cá nhân.	[1,2]a, [1,2,3]b

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

< Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật >		
Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
KHOA: NGOẠI NGỮ - KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. *Tên học phần tiếng Việt: Viết 1* - *Mã học phần: 120134*
2. *Tên học phần tiếng Anh: Writing 1*
3. *Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:*
- ☐ Giáo dục đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành
- ☐ Kiến thức cơ sở ☐ Kiến thức bổ trợ
- ☐ Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. *Số tín chỉ: 3 (2,1,6)*

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
60	30	30	90

5. *Phụ trách học phần:*

- a. *Khoa phụ trách:* Khoa Ngoại Ngữ - Khoa Học Xã Hội
- b. *Giảng viên:* ThS. Huỳnh Thị Anh Trâm
- c. *Địa chỉ email liên hệ:* tramha@bvu.edu.vn
- d. *Điện thoại:* 0905445303

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. *Mô tả học phần:*

Học phần Viết 1 giúp sinh viên hiểu được các thành phần cơ bản của câu, phân biệt được các loại câu trong tiếng Anh, nắm được cách viết câu có sử dụng thì hiện tại, quá khứ, tương lai và các kiến thức ngôn ngữ khác. Môn học cũng cung cấp lý thuyết nền tảng về cách viết một đoạn văn: các thành tố cấu thành đoạn văn, sự rõ ràng và gắn kết trong đoạn văn, và cách viết một số loại đoạn văn cụ thể.

2. *Học phần điều kiện:*

STT	Học phần điều kiện	Mã học phần
1	Học phần tiên quyết: Không có	

CO2	CLO2	SV vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành viết câu và các thể loại đoạn văn khác nhau như kể chuyện, trình bày ý kiến, nguyên nhân kết quả.
CO3	CLO3	SV có khả năng tư duy hệ thống, logic để có thể tìm ra các ý tưởng, sau đó sắp xếp thành câu hoàn chỉnh, lên dàn ý cho đoạn văn một cách hợp lý.
CO4	CLO4	SV biết cách sử dụng từ vựng phù hợp, các đặc điểm ngữ pháp, cấu trúc câu cơ bản trong tiếng Anh để phát triển thành một đoạn văn hoàn chỉnh.
CO5	CLO5	SV có tính thần trách nhiệm, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trao đổi theo cặp, theo nhóm; ứng dụng kỹ năng ứng xử khi thảo luận để có thể tìm ra sự thống nhất giữa các thành viên, nhằm viết được một đoạn văn hoàn chỉnh nhất. Ngoài ra, SV cũng phát triển năng lực quan sát, tự đánh giá và cải tiến để phát triển bản thân thông qua các hoạt động thảo luận.
CO6	CLO6	SV hình thành ý thức, trách nhiệm, tư duy sáng tạo, độc lập, không đạo văn khi viết bài.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	EL08	PL09	PL010	PL011	PL012
1			x									
2			x									
3					x							
4						x		x				
5									x	x		
6											x	

5. Học liệu:

a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1]. Oshima, A., Hogue, A., & Ravitch, L. (2016). *Longman academic writing series, 2nd ed., level 1: Sentences to Paragraphs*. Pearson Education.

b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:

[1]. Sarah Lynn (2011), *Q: Skills for Success 1 Reading & Writing*, Oxford University Press.

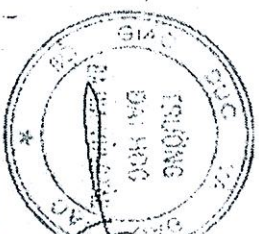
[2]. Keith S. Folse, April Muchmore, Yokoun& Elena Vestri Solomon (2010), *Great Writing 1: From Great sentences to Great Paragraphs* (3rd Edition), Heinle Cengage Learning.

Buổi học 1 (3 tiết)	ORIENTATION	CLO1 CLO2	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu mục tiêu cụ thể của học phần, phương pháp dạy và học, giáo trình, hình thức kiểm tra giữa kỳ, tiêu chí đánh giá môn học. - Cung cấp các tài nguyên online phù hợp với trình độ của SV. - Tổ chức hoạt động/ bài tập liên quan đến từ vựng, ngữ pháp & cấu trúc câu cơ bản. SINH VIÊN: - Lắng nghe, ghi nhớ thông tin. - Tham gia hoạt động.	A1 1, 2	Tài liệu
Buổi học 2 - 3 (6 tiết)	Unit 1: Introducing yourself Vocabulary: - Words for names - Applying vocab for names Organisation: - From words to sentences to paragraphs - Paragraph Format Grammar - Simple present Sentence structure - Statement and Questions - Sentence mechanics Writing assignment: 1. Exercise on sentence structure: identify S, V, O, A, C 2. Sentence building exercise simple present. A paragraph to introduce yourself (about 80 words)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Cung cấp vốn từ vựng, ý nghĩa về tên - Ôn lại cấu trúc chung của một câu hoàn chỉnh trong tiếng Anh. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng thì hiện tại đơn để viết câu đúng; viết đoạn văn ngắn giới thiệu bản thân. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	A1 1, 2	Tài liệu

			để hoàn thành bài tập.		
Buổi học 8-9 (6 tiết)	Unit 4: A good day Vocabulary: - Phrasal verbs Organisation: - Time order Grammar Using prepositions to show time Sentence structure - Simple sentence patterns, Part 1 Writing assignment: 1. Sentence building exercise with time prepositions 2. A paragraph about a special day in your life.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Giải thích cách thành lập, cách dùng của cụm động từ và cụm cấp các cụm động từ thường gặp, áp dụng viết câu hoàn chỉnh. - Ôn tập giới từ chỉ thời gian, thông qua đó áp dụng để viết đoạn văn viết về một ngày đặc biệt trong đời. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	A1	Tài liệu 1, 2
Buổi học 10-11 (6 tiết)	Unit 5: Your hometown Vocabulary: - Words for directions Organisation: - Supporting sentences, part 1 Grammar - Articles: A, an, and the - There is/There are - Using prepositions to describe location Sentence structure - Prepositional phrases in sentences Writing assignment: 1. Grammar practice: There is/ are; prepositions of places	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Cung cấp từ vựng chỉ phương hướng và bài tập thực hành. - Ôn tập cách sử dụng mạo từ, cấu trúc câu "There is/There are...", giới từ chỉ địa điểm, cụm giới từ... - Hướng dẫn chi tiết cách viết câu bổ trợ. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	A1	Tài liệu 1, 2

	Sentence structure - Simple & Compound sentences Writing assignment: 1. Grammar exercises: Past simple + combining sentences 2. A paragraph about a weekend.		văn về ngày cuối tuần của mình (đã xảy ra). SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.		
Buổi học 17 - 18 (6 tiết)	Unit 8: Memories of a trip Vocabulary: - Word families Organisation: - Concluding sentences Grammar - Past time expressions Sentence structure - Sentences with past time clauses - Sentence fragments Writing assignment: 1. Grammar exercise: past time clauses 2. A paragraph about your memories of a trip	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Mở rộng vốn từ cho sinh viên bằng cách cung cấp các gia đình từ. - Ôn tập lại thì quá khứ, trạng từ chỉ thời gian trong quá khứ. - Hướng dẫn cách viết câu kết luận để tạo ra một đoạn văn hoàn chỉnh.	A1	Tài liệu 1, 2
Buổi học 19 - 20 (6 tiết)	Unit 9: Looking ahead Vocabulary: - Adverbs of probability Organisation: - Listing order Grammar - Expressing Future time with Be going to - Expressing Future time with will - Future time expressions Sentence structure	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Cung cấp những trạng từ diễn tả khả năng có thể. - Ôn tập thì tương lai, trạng từ và cụm trạng từ chỉ thời gian trong tương lai. - Giới thiệu cách viết liệt kê để giúp sinh viên có thể viết một đoạn văn hoàn chỉnh	A1	Tài liệu 1, 2




Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

KHOA: NGOẠI NGỮ - KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Tên học phần tiếng Việt: Viết 2 - Mã học phần: I20135

X Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức bổ trợ

☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

5. *Phụ trách học phần:*

b. Giảng viên: ThS. Huỳnh Thị Anh Trâm

c. Địa chỉ email liên hệ: tranhthata@bvu.edu.vn

d. Điện thoại: 0905445303

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. *Mô tả học phần:*

2. Học phần điều kiện:

Figure 1

CO2	CLO2	SV vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành viết thể loại đoạn văn khác nhau như đoạn văn miêu tả người hoặc vật, đoạn văn miêu tả quá trình, đoạn văn tường thuật, đoạn văn nghị luận, v.v...
CO3	CLO3	SV có khả năng tư duy hệ thống, logic để có thể tìm ra các ý tưởng, sau đó sắp xếp thành câu hoàn chỉnh, lên dàn ý cho đoạn văn một cách hợp lý.
CO4	CLO4	SV biết cách sử dụng từ vựng phù hợp, các đặc điểm ngữ pháp, cấu trúc câu khác nhau để phát triển thành một đoạn văn hoàn chỉnh.
CO5	CLO5	SV có tính thần trách nhiệm, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trao đổi theo cặp, theo nhóm; ứng dụng kỹ năng ứng xử khi thảo luận để có thể tìm ra sự thống nhất giữa các thành viên, nhằm viết được một đoạn văn hoàn chỉnh nhất. Ngoài ra, SV cũng phát triển năng lực quan sát, tự đánh giá và cải tiến để phát triển bản thân thông qua các hoạt động thảo luận.
CO6	CLO6	SV hình thành ý thức, trách nhiệm, tư duy sáng tạo, độc lập, không đạo văn khi viết bài.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011
1			x								
2			x								
3					x						
4						x		x			
5									x	x	
6											x

5. Học liệu:

a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

- [1] Savage, A. & Shafiei, M. (2012). *Effective Academic Writing 1- The Paragraph* (2nd ed.). Oxford University Press.
- [2] Reppen, R. (2012). *Grammar and Beyond 2*. Cambridge University Press.

b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:

- [1]. Sarah Lynn (2011), *Q: Skills for Success 2 Reading & Writing*, Oxford University Press.

Buổi học	Orientation	CLO2	GIẢNG VIÊN:	A1	Tài liệu
học 1 - 2 (6 tiết)	Unit 1: The Sentence and the Paragraph Rhetorical Focus Paragraph organization Format of a paragraph Topic sentence, supporting sentences, concluding sentence Unity and coherence in a paragraph Language and Grammar Focus Simple sentence structure Capitalization and punctuation Fragments and run-on sentence Writing assignment: 1. Sentence building exercise. 2. Write a short paragraph about a certain topic.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Giới thiệu mục tiêu cụ thể của học phần, phương pháp dạy và học, giáo trình, hình thức kiểm tra giữa kỳ, tiêu chí đánh giá môn học. - Cung cấp các tài nguyên online phù hợp với trình độ của SV. - Ôn tập kiến thức ngữ pháp đã học: cấu trúc câu; các thì; hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai. - Cùng cố kiến thức về bố cục, cách viết các loại câu thành phần của một đoạn văn, gồm: câu chủ đề, câu bổ trợ, câu kết luận; cách triển khai ý tưởng mạch lạc, thống nhất. SINH VIÊN: - Lắng nghe, ghi nhớ thông tin. - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	A1	Tài liệu 1, 2
		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6			
Buổi học 3 - 5 (9 tiết)	Unit 2: Descriptive paragraphs Rhetorical Focus Descriptive organization Language and Grammar Focus Specific language Adjective in descriptive writing <i>Be to</i> define and describe	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Cung cấp kiến thức ngữ pháp về các hình thức so sánh của tính từ, trạng từ. - Cung cấp từ vựng, đặc biệt các tính từ, trạng từ liên quan đến chủ điểm miêu tả người/vật. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, các điểm ngữ pháp, từ vựng để viết đoạn văn ngắn miêu tả người/ vật.	A1	Tài liệu 1, 2

	<p>process paragraphs</p> <p>Imperatives</p> <p>Modals of advice,</p> <p>nessecity, and prohibition</p> <p><u>Writing assignment:</u></p> <p>Write a process paragraph to describe steps for making your favourite dish.</p>		<p>những từ/ cụm từ về trật tự thời gian nên được sử dụng trong bài văn miêu tả chu trình.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, các điểm ngữ pháp, từ vựng để viết đoạn văn ngắn miêu tả cách làm món ăn yêu thích.</p> <p>SINH VIÊN:</p> <p>- Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.</p>		
<p>Buổi học 13 - 15 (9 tiết)</p>	<p>Unit 5: Narrative Paragraphs</p> <p>Rhetorical Focus</p> <p>Narrative organization</p> <p>Sensory and emotional details</p> <p>Language and Grammar Focus</p> <p>Order of events in narrative paragraphs</p> <p>The simple past</p> <p>The past continuous</p> <p><u>Writing assignment:</u></p> <p>Write a narrative paragraph to tell about the memorable day in your life.</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <p>- Cung cấp kiến thức ngữ pháp về thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn</p> <p>- Trang bị cho sinh viên những từ/ cụm từ để diễn tả thứ tự của các sự kiện; cũng như giải thích cách lồng ghép các chi tiết bối cảnh và cảm xúc khi viết đoạn văn tường thuật.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, các điểm ngữ pháp, từ vựng để viết đoạn văn ngắn tường thuật về một ngày đáng nhớ trong đời.</p> <p>SINH VIÊN:</p> <p>- Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.</p>	A1	<p>Tài liệu 1, 2</p>
<p>Buổi học 16 - 19 (12 tiết)</p>	<p>Unit 6: Opinion Paragraphs</p> <p>Rhetorical Focus</p> <p>Opinion organization</p> <p>Reasons to support an</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <p>- Cung cấp kiến thức ngữ pháp về cách dùng mệnh đề chỉ nguyên nhân với “because – because of” và</p>	A1	<p>Tài liệu 1, 2</p>

d. Quy định về cấm thi cuối kỳ: Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học của học phần sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

e. Nội quy lớp học:

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy đúng theo đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy; Đảm bảo thời lượng giảng dạy và các quy định khác đảm bảo chất lượng;
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham dự lớp đầy đủ; Đi học đúng giờ; Mang thẻ đeo và sổ tay kỹ năng khi đến lớp; Hoàn thành tốt nhất các yêu cầu bài tập được giao về nhà và tại lớp;
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực; Giao tiếp, ứng xử văn minh, lịch sự; Điện thoại luôn để chế độ im lặng hoặc tắt máy, chỉ dùng đúng mục đích tra cứu kiến thức phục vụ môn học.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc văn hóa ứng xử của trường.

9. Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn


Hào Văn Tiến

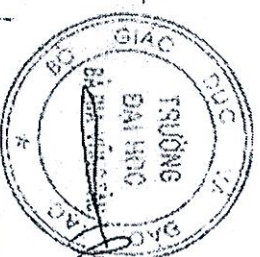
Chịu trách nhiệm khoa học
Trưởng Khoa


PGS.TS Hoàng Văn Việt

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)


Huỳnh Thị Ánh Trâm

Giảng viên đọc lại, phản biện
Phạm Thị Hải Yến
Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU

KHOA: NGOẠI NGỮ - KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

- Tên học phần tiếng Việt: Viết 3* - *Mã học phần: 120136*
- Tên học phần tiếng Anh: Writing 3*
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:*
 - ☐ Giáo dục đại cương
 - ☒ Kiến thức chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở
 - ☐ Kiến thức bổ trợ
 - ☐ Kiến thức ngành
 - ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
- Số tín chỉ: 3 (3,0,6)*

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
45	45	0	90

5. *Phụ trách học phần:*

- Khoa phụ trách:* Khoa Ngoại Ngữ - Khoa Học Xã Hội
- Giảng viên:* ThS. Huỳnh Thị Anh Trâm
- Địa chỉ email liên hệ:* tramhtra@bvu.edu.vn
- Điện thoại:* 0905445303

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. *Mô tả học phần:*

Học phần Viết 3 tập trung bồi dưỡng cho sinh viên cách xây dựng dàn ý, phát triển câu chủ đề, câu bổ trợ, câu kết đoạn; cũng như sắp xếp, liên kết các ý cho bài luận học thuật trong tiếng Anh một cách hiệu quả. Trong học phần này, sinh viên sẽ luyện tập kỹ năng viết bài luận ngắn thuộc các thể loại khác nhau như so sánh – đối chiếu, trình bày quan điểm, nguyên nhân-giải pháp/ hệ quả. Trong mỗi bài học, sinh viên được cung cấp kiến thức ngữ pháp, ngôn ngữ cụ thể, phù hợp với từng thể loại văn.

2. *Học phần điều kiện:*

STT	Học phần điều kiện	Mã học phần
1	Học phần tiên quyết: Writing 2 (Viết 2)	120135

CO2	CLO2	SV nắm được bố cục cơ bản và có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực hành viết các bài luận ngắn thuộc các thể loại khác nhau như so sánh – đối chiếu, trình bày quan điểm, nguyên nhân- hệ quả.
CO3	CLO3	SV có khả năng tư duy hệ thống, logic để có thể tìm ra các ý tưởng, sau đó sắp xếp thành câu hoàn chỉnh, lên dàn ý cho đoạn văn một cách hợp lý.
CO4	CLO4	SV biết cách sử dụng từ vựng phù hợp, các đặc điểm ngữ pháp, cấu trúc câu khác nhau để phát triển thành một bài văn học thuật hoàn chỉnh.
CO5	CLO5	SV có tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trao đổi theo cặp, theo nhóm; ứng dụng kỹ năng ứng xử khi thảo luận để có thể tìm ra sự thống nhất giữa các thành viên, nhằm viết được một bài văn hoàn chỉnh nhất. Ngoài ra, SV cũng phát triển năng lực quan sát, tự đánh giá và cải tiến để phát triển bản thân thông qua các hoạt động thảo luận.
CO6	CLO6	SV hình thành ý thức, trách nhiệm, tự duy sáng tạo, độc lập, không đạo văn khi viết bài.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011
1			x								
2			x								
3					x						
4						x		x			
5									x	x	
6											x

5. Học liệu:

a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

- [1] Savage, A. & Shafiei, M. (2012). *Effective Academic Writing 2- The Short Essay* (2nd ed.). Oxford University Press.
- [2] Reppen, R. (2012). *Grammar and Beyond 3*. Cambridge University Press.

b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:




- [1]. Ward, C & Gramer, M (2019). *Q: Skills for Success 3, Reading and Writing*. Oxford University Press

Buổi học 1 - 2 (6 tiết)	Orientation Unit 1: Paragraph to short essay Rhetorical Focus Paragraph structure The topic sentence Unity and coherence The paragraph and short essay Short essay organization Language and Grammar Focus Simple and compound sentences Run-on sentences Dependent clauses	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu mục tiêu cụ thể của học phần, phương pháp dạy và học, giáo trình, hình thức kiểm tra giữa kỳ, tiêu chí đánh giá môn học. - Cung cấp các tài nguyên online phù hợp với trình độ của SV. - Ôn tập kiến thức ngữ pháp đã học: cấu trúc câu đơn, câu ghép; mệnh đề độc lập, cấu trúc đoạn văn; cách viết các loại câu thành phần của một đoạn văn, gồm: câu chủ đề, câu bổ trợ, câu kết luận; cách triển khai ý tưởng mạch lạc, thống nhất. - Giới thiệu cấu trúc của một bài luận ngắn trong tiếng Anh. SINH VIÊN: - Lắng nghe, ghi nhớ thông tin. - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	A1	Tài liệu 1, 2
Buổi học 3 - 6 (12 tiết)	Unit 4: Comparison – Contrast essays Rhetorical Focus Comparison-Contrast organization Language and Grammar Focus Comparison and contrast connectors Comparatives in comparison - contrast essays	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu bố cục và hướng dẫn cách triển khai viết bài luận so sánh – đối chiếu. - Ôn tập kiến thức ngữ pháp: so sánh hơn của tính từ, trạng từ. - Cung cấp những liên từ biểu thị sự so sánh, đối chiếu phổ biến. - Hướng dẫn sinh viên sử	A1	Tài liệu 1, 2

	They claim that their job is to teach skills such as reading and math. Write an essay in which you agree or disagree with the following topic: Learning to play sports teaches valuable life skills.				
Buổi học 11 (3 tiết)	Mid-term test Test correction	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Chuẩn bị đề và tổ chức thi tại lớp học SINH VIÊN: - Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành bài thi; tham gia thi giữa kỳ nghiêm túc.	A2	Tài liệu 1, 2
Buổi học 12 - 15 (12 tiết)	Unit 6: Cause-and-effect essays Rhetorical Focus Cause-and-effect organization Clustering information Language and Grammar Focus Phrasal verbs The future with will Will with so that Future possibilities with if-clause <u>Writing assignment:</u> Write a cause-and-effect essay about a certain topic. <u>Suggestion:</u> Very few people live in the same home their entire lives. What causes people to move	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu bố cục và hướng dẫn cách triển khai viết bài luận nêu nguyên nhân và hệ quả. - Cùng có kiến thức về cụm động từ; cách sử dụng “will” trong các trường hợp cụ thể như: will dùng để chỉ tương lai; dùng kèm với “so that, trong mệnh đề If - chỉ khả năng có thể xảy ra ở tương lai.. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, ngữ pháp, dùng các liên từ phù hợp để viết bài luận nêu lên nguyên nhân – kết quả. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài	A1	Tài liệu 1, 2

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

KHOA: NGỎẠI NGỮ - KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Tên học phần tiếng Việt: **Viết 4** - Mã học phần: **120131**

Mã học phần: 120131

☐ **Giáo dục đại cương**

☒ **X Kiến thức chuyên ngành**

□ Kiến thức bổ trợ

☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

5. *Phụ trách học phần:*

b. Giảng viên: ThS. Huỳnh Thị Anh Tâm

d. Điện thoại: 0905445303

1. *Mô tả học phần:*

2. Học phần điều kiện:

		loại mệnh đề danh ngữ, trạng ngữ, mệnh đề quan hệ hạn định và mệnh đề quan hệ không hạn định; v.v... để có thể viết được bài văn học thuật hoàn chỉnh.
CO2	CLO2	SV nắm được bố cục và có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực hành viết các bài luận học thuật thuộc các thể loại khác nhau như so sánh – đối chiếu, trình bày quan điểm, nguyên nhân- hệ quả ở cấp độ năng cao, chuyên sâu hơn.
CO3	CLO3	SV có khả năng tư duy hệ thống, logic để có thể tìm ra các ý tưởng, sau đó sắp xếp thành câu hoàn chỉnh, lên dàn ý cho đoạn văn một cách hợp lý.
CO4	CLO4	SV biết cách sử dụng từ vựng phù hợp, các đặc điểm ngữ pháp, cấu trúc câu khác nhau để phát triển thành một bài văn học thuật hoàn chỉnh.
CO5	CLO5	SV có tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trao đổi theo cặp, theo nhóm; ứng dụng kỹ năng ứng xử khi thảo luận để có thể tìm ra sự thống nhất giữa các thành viên, nhằm viết được một bài văn hoàn chỉnh.. Ngoài ra, SV cũng phát triển năng lực quan sát, tự đánh giá và cải tiến để phát triển bản thân thông qua các hoạt động thảo luận.
CO6	CLO6	SV hình thành ý thức, trách nhiệm, tư duy sáng tạo, độc lập, không đạo văn khi viết bài.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PI01	PI02	PI03	PI04	PI05	PI06	PI07	PI08	PI09	PI010	PI011
1			x								
2			x								
3					x						
4						x		x			
5									x	x	
6											x

5. Học liệu:

a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

- [1] Savage, A. & Shafiei, M. (2012). *Effective Academic Writing 3- The Reseached Essay* (2nd ed.). Oxford University Press.
- [2] Reppen, R. (2012). *Grammar and Beyond 4*. Cambridge University Press.

b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:

- [1]. Ward, C & Gramer, M (2019). *Q: Skills for Success 4, Reading and Writing*. Oxford University Press

7. Kế hoạch giảng dạy:




Tuần / buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Buổi học 1 - 3 (9 tiết)	Orientation Unit 2: Comparison – Contrast essays Rhetorical Focus Comparison-Contrast organization Language and Grammar Focus Prepositional phrases Restrictive and nonrestrictive relative clauses Writing assignment: Write a comparison-contrast essay about a certain topic.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu mục tiêu cụ thể của học phần, phương pháp dạy và học, giáo trình, hình thức kiểm tra giữa kỳ, tiêu chí đánh giá môn học. - Cung cấp các tài nguyên online phù hợp với trình độ của SV. - Ôn tập bổ cục và hướng dẫn cách triển khai viết bài luận so sánh – đối chiếu một cách hoàn chỉnh, nâng cao hơn. - Bồi dưỡng kiến thức ngữ pháp: mệnh đề quan hệ hạn định và không hạn định. - Cung cấp những từ tín hiệu biểu thị sự so sánh, đối chiếu và các cụm trạng từ phổ biến. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, từ vựng học thuật, ngữ pháp nâng cao phù hợp đề viết bài luận so sánh-đối chiếu. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	A1	Tài liệu 1, 2

	Grammar Focus Collocations with <i>argumentative</i> vocabulary Connectors showing addition and contrast Adverbial clauses Noun clauses Writing assignment:.. Write an argumentative essay about a certain topic.		ùng hộ - phản đối; các cụm từ thường dùng trong văn <i>nghị luận...</i> - Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, từ vựng học thuật, ngữ pháp nâng cao phù hợp để viết bài văn nghị luận. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	
Buổi học 13 - 15 (9 tiết)	Unit 5: Classification essays Rhetorical Focus Argumentative organization Establish order of importance, degree and size Language and Grammar Focus Gerunds and infinitives Verbs following <i>make, let, have</i> Writing assignment:.. Write a classification essay about a certain topic.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu bố cục và hướng dẫn cách triển khai viết bài văn phân loại. - Bồi dưỡng kiến thức ngữ pháp về cách dùng danh động từ (Gerunds) và động từ có to (infinitives), các trường hợp động từ theo sau <i>make, let, have</i> . - Cung cấp vốn từ hữu dụng khi viết bài văn phân tích, phân loại số liệu của một biểu đồ cột. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng đúng bố cục, từ vựng học thuật, ngữ pháp nâng cao phù hợp để viết bài văn phân tích, phân loại số liệu của biểu đồ cột. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước tài liệu, làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm để hoàn thành bài tập.	

III. Quy định của học phần

a. **Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình:** Điểm trung bình của các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, điểm chuyên cần thái độ học tập chiếm tỷ lệ 20%.

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI
BỘ MÔN NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

- I. Thông tin tổng quát**
1. *Tên học phần tiếng Việt:* Đọc hiểu 1 - *Mã học phần:* 0101120131
2. *Tên học phần tiếng Anh:* Reading 1
3. *Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:*
- ☐ Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành
- ☒ Kiến thức cơ sở ☐ Kiến thức bổ trợ
- ☐ Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. *Số tín chỉ:*

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Số tiết tự học
3	3	0	6

5. Phụ trách học phần:

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học xã hội
- b. Giảng viên: *Võ Kim Thủy Trang*
- c. Địa chỉ email liên hệ: *trangvt@bvu.edu.vn*
- d. Phòng làm việc: 1103- Cơ sở 1- 80 Trương Công Định, phường 3, Vũng Tàu

II. Thông tin về môn học

I. Mô tả môn học:

Học phần Đọc hiểu 1 là học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên chuyên ngữ Ngành ngôn ngữ Anh. Học phần được xây dựng với mục tiêu trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, phát triển các kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh. Sinh viên được làm quen và rèn luyện các kỹ năng đọc khác nhau cho các mục đích khác nhau (scanning, skimming, predicting, reading carefully), qua đó phát triển dần khả năng đọc hiểu nhanh và lưu loát. Ngoài ra, qua các bài đọc hiểu về các chủ đề khác nhau trong đời sống xã hội, sinh viên được mở rộng thêm kiến thức và tăng cường vốn từ cần thiết. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ thành thạo các kỹ năng đọc hiểu, hình thành thói quen đọc tốt, tích cực rèn luyện kỹ năng đọc và ý thức tự học cũng như làm việc nhóm.

	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng chính xác ngôn ngữ và cấu trúc câu Tiếng anh trong các tình huống giao tiếp, đọc hiểu và có thể viết được 1 đoạn văn bản ngắn. - Trao đổi kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, kỹ năng làm việc thảo luận theo nhóm, ghi chép tổng hợp kiến thức và tra cứu từ điển. 	
CO3	<ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ tích cực tham gia hoạt động học tập tại lớp, chủ động, tự tin tham gia đóng góp ý kiến. 	PLO-A1, PLO-A2
	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tự học, tích cực rèn luyện kỹ năng đọc. 	

4. Chuẩn đầu ra (CDR) môn học – Course Learning Outcomes (CLOs):

Mục tiêu môn học (COs)	CDR môn học (CLOs)	Mô tả CDR	
CO1	CLO1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được vốn từ vựng đa dạng để đọc được những bài đọc hiểu theo các chủ đề phong phú về công việc, phương pháp học tập, kỳ nghỉ, tiếng cười, thể thao, sự lựa chọn và quyết định, công nghệ và những sự thay đổi, nỗi sợ hãi. 	
	CLO2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành kỹ năng đọc hiểu ứng dụng vào các tình huống hàng ngày như: đọc hiểu và trả lời các đoạn văn bản ngắn, đọc hiểu và viết tóm tắt một câu chuyện ngắn. 	
CO2		<ul style="list-style-type: none"> - Đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh, khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm thông tin chính của bài đọc, đọc tỉ mỉ để tìm các thông tin chi tiết, phân biệt giữa ý chính và ý minh họa, làm các dạng bài tập đọc hiểu khác nhau và cách dùng từ điển. 	
	CLO2.2	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, ứng dụng trong những tình huống giao tiếp thực tế hàng ngày - Hình thành kỹ năng quản lý thời gian và kĩ năng làm việc nhóm. 	
CO3	CLO3.1	<ul style="list-style-type: none"> Có thái độ tích cực tham gia hoạt động học tập, chủ động, tự tin tham gia đóng góp ý kiến. 	
	CLO3.2	<ul style="list-style-type: none"> Có ý thức tự học, tích cực rèn luyện kỹ năng đọc và có trách nhiệm với các bài tập được giao. 	

Mã trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PLO-K1	PLO-K2	PLO-S1	PLO-S2	PLO-S3	PLO-S4	PLO-A1	PLO-A2
1	x	x						
2.1			x	x				
2.2					x	x		
3.1							x	x
3.2								x
3.3								x
3.4								x

5. Học liệu

- a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:
Sarah Lynn (2020), *Q Skills for success 1 – Reading and Writing*, Oxford University Press
- b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:
 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), *Interactions 1 (Silver Edition)*, Mc Graw Hills.
 2. Linda Lee & Erick Gundersen (2011), *Select Readings-Elementary*, Oxford University Press.
 3. Brenda Wegmann & Milki Knezevic (2012), *Mosaic 1-Reading*, McGraw-Hill.
- c. Các website:
 1. <https://learnenglish.britishcouncil.org/skills/reading>
 2. <https://englishteststore.net>
 3. <https://www.englishclub.com/reading>

7. Kế hoạch giảng dạy

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 1 /buổi thứ 1	Orientation	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi với sinh viên mục tiêu cụ thể của học phần, phương pháp học, giáo trình, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần và tài nguyên học phù hợp với trình độ của sinh viên để sinh viên luyện tập thêm. - Khuyến khích sv sử dụng giáo trình gốc để làm BT online. - GV công bố 20-30% nội dung học phần làm online và cách thức làm việc online. - Gv tạo nhóm zalo để thông tin kịp thời đến lớp. Đảm bảo tất cả các thành viên tham gia nhóm này. - GV thông báo SV địa điểm mua sách (sách gốc hoặc sách photo) - GV yêu cầu SV chuẩn bị vở học từ vựng (dùng luôn cho 4 học phần đọc). Gv thường xuyên kiểm tra việc ghi và học từ của SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV làm thêm bài đọc hiểu về các nghề nghiệp khác 	<p>Tài liệu chính: Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i>, Oxford University Press</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), <i>Interactions 1 (Silver Edition)</i>, Mc Graw Hills. 2. Linda Lee & Erick Gundersen (2011), <i>Select Readings- Elementary</i>, Oxford University Press. 3. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 1-Reading</i>, McGraw-Hill.</p>
Tuần 2 /buổi thứ 2	Unit 1: Business Q. What is a Good Job? - READING 1: The Right Job for You	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được hướng dẫn kỹ năng đoán từ dựa vào ngữ cảnh, kỹ năng nắm bắt thông tin tổng quan của bài đọc trước khi tiết, kỹ năng đọc chi tiết, kỹ năng đọc lướt, đọc tìm 	<ul style="list-style-type: none"> - SV làm thêm bài đọc hiểu về các nghề nghiệp khác 	<p>Tài liệu chính: Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i>, Oxford University Press</p> <p>Tài liệu tham</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 3 /buổi thứ 3	Unit 2: Cognitive science Q. What is the best way to study? READING 1: The secret to good memory READING 2: The brain and technology	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Sinh viên thực hành kỹ năng đoán từ dựa vào ngữ cảnh, kỹ năng diễn đạt lại thông tin bằng cách sử dụng ngôn ngữ của riêng mình, học gốc từ để hiểu nghĩa của các từ cùng gốc' ghi chép tổng hợp kiến thức về chủ đề làm thế nào để có trí nhớ tốt và vận dụng vào việc học tiếng Anh tốt. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 1 - Reading 1 (nội dung từ trang 25 – 30). Reading 2 (nội dung từ trang 30-37).	- SV đọc thêm về các bài đọc về não bộ và công nghệ; cách luyện trí nhớ tốt.	<i>Tài liệu chính:</i> Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), <i>Interactions 1 (Silver Edition)</i> , Mc Graw Hills. 2. Linda Lee & Erick Gundersen (2011), <i>Select Readings- Elementary</i> , Oxford University Press. 3. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 1- Reading</i> , McGraw-Hill.
Tuần 4 /buổi thứ 4	Unit 3: Sociology Q. Is vacation the best way to relax? READING 1: Managing life and work READING 2: Relaxing at work	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Sinh viên biết sử dụng quan điểm đồng tình và chống đối (ưu điểm và nhược điểm) khi đề cập đến một chủ đề nào đó hoặc so sánh hai đối tượng. - Sinh viên học được cách đọc biểu đồ tròn, thanh biểu đồ và	-SV đọc thêm các bài đọc liên quan đến các thông tin về cách cân bằng giữa	<i>Tài liệu chính:</i> Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann &

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
	Unit 4: Physiology Q. What makes you laugh?	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Sinh viên tiếp tục thực hành kỹ năng đoán từ dựa vào ngữ cảnh, đọc đề tìm thông tin chi tiết để làm các dạng bài tập đọc hiểu khác nhau (trả lời câu hỏi, chọn câu trả lời đúng hay sai), nhận diện câu chủ đề trong một đoạn văn và câu hỗ trợ, ghi chép tổng hợp kiến thức về chủ đề tiếng cười, cách ghi chép từ loại của từ vựng để biết sử dụng từ vựng.	- SV đọc thêm các bài đọc hiểu về văn hóa cười các nước trên thế giới.	<i>Tài liệu chính:</i> Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), <i>Interactions 1 (Silver Edition)</i> , Mc Graw Hills. 2. Linda Lee & Erick Gundersen (2011), <i>Select Readings- Elementary</i> , Oxford University Press. 3. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 1- Reading</i> , McGraw-Hill.
Tuần 5 /buổi thứ 5	- READING 2: Reasons to laugh		- SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 1- Reading 1 (nội dung từ trang 72-77) Reading 2 (nội dung từ trang 78-84)		

Tuần / buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 8 /buổi thứ 8	Unit 5: Sports science Q. What is a sport?	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Sinh viên tiếp tục thực hành kỹ năng đoán từ dựa vào ngữ cảnh; nói câu thông tin với đoạn văn tương ứng; biết cách đánh giá nguồn thông tin (cần đề hỗ trợ chứng minh cho một chủ điểm nào đó); nhận diện được câu thông tin hỗ trợ và câu thông tin chi tiết.	-SV đọc thêm các bài đọc hiểu về các môn thể thao và hình thức thể dục khác nhau trên thế giới.	<i>Tài liệu chính:</i> Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), <i>Interactions 1 (Silver Edition)</i> , Mc Graw Hills. 2. Linda Lee & Erick Gundersen (2011), <i>Select Readings- Elementary</i> , Oxford University Press. 3. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 1-Reading</i> , McGraw-Hill.
	- READING 1: Exercise for life - READING 2: Games or sports?		- Sinh viên có thêm kiến thức phân biệt được sự khác biệt giữa thể thao và thể dục. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 1- Reading 1 (nội dung từ trang 94-100). Reading 2 (nội dung từ trang 101-107).		
Tuần 9 /buổi thứ 9	Unit 6: Communication Q. Is choice always a good thing?	CLO1, CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Sinh viên tiếp tục thực hành kỹ năng đoán từ dựa vào ngữ cảnh; đọc tìm thông tin chính; đối chiếu thông tin với đoạn văn; nhận diện câu thông tin đúng/sai; phân biệt đại từ nhân xưng và đại từ tân ngữ; cách biện minh cho quan	-SV đọc thêm các bài đọc hiểu về chủ đề xu thế mua sắm và những sự lựa chọn trên thế giới.	<i>Tài liệu chính:</i> Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim
	- READING 1: Too much information, too many choices - READING 2: Making medical decisions				

Tuần 11 buổi thứ 11	Unit 8: Psychology Q. What are you afraid of? - READING 1: A dangerous world? - READING 2: Can we trust our fears?	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Sinh viên tiếp tục thực hành kỹ năng đoán từ dựa vào ngữ cảnh; nhận diện câu thông tin đúng/sai; đối chiếu thông tin với đoạn văn; chọn đáp án đúng trong nhiều đáp án lựa chọn; xác định được mối quan hệ nhân-quả. - Sinh viên được cung cấp thông tin về tính phóng đại của phương tiện truyền thông về các vấn đề bạo lực và tác động tiêu cực mà sự phóng đại đó gây ra; niềm tin với những nỗi sợ hãi và những yếu tố tạo nên sự sợ hãi - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 1- Reading 1 (nội dung từ trang 166 – 172). Reading 2 (nội dung từ trang 173 – 179).	-SV đọc thêm bài đọc hiểu về những nỗi sợ hãi khác nhau và giải pháp không chế.	Tài liệu chính: Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press Unit 8: Psychology Tài liệu tham khảo: 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), <i>Interactions 1 (Silver Edition)</i> , McGraw Hills. 2. Linda Lee & Erick Gundersen (2011), <i>Select Readings- Elementary</i> , Oxford University Press. 3. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 1-Reading</i> , McGraw-Hill.
Tuần 12 buổi thứ 12	REVIEW	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3	- Hệ thống lại các kỹ năng đọc đã học - Ôn lại từ vựng về các chủ đề thuộc các units 5-8	- SV làm các bài đọc hiểu theo các chủ đề đã học tại lớp.	Tài liệu chính: Sarah Lynn (2020), <i>Q Skills for success 1 – Reading and Writing</i> , Oxford University Press Tài liệu tham khảo: 1. Pamela Hartmann & Elaine Kim (2016), <i>Interactions 1 (Silver Edition)</i> ,

8. Quy định của môn học

- 8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình: SV phải tham dự ít nhất 70% thời lượng môn học, tích cực tham gia hoạt động học tập trong lớp, làm đầy đủ các bài đọc hiểu thêm giáo viên giao ở nhà.
- 8.2. Quy định về đánh giá giữa kỳ: SV phải tham gia kỳ thi giữa kỳ kiểm tra kỹ năng đọc hiểu tại lớp theo thời gian được quy định trong lịch trình giảng dạy.
- 8.3. Quy định về đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham gia đầy đủ kỳ thi kết thúc học phần môn Đọc hiểu 1 theo đúng quy định và đạt điểm trung bình chung của môn lớn hơn hoặc bằng 4.0.
- 8.4. Quy định về cấm thi cuối kỳ: Sinh viên nghỉ quá 30% thời lượng môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- 8.5. Nội quy lớp học: Sinh viên phải chấp hành nội qui của nhà trường, có thái độ hòa nhã, lịch sự với giáo viên và các bạn cùng tham gia môn học.

9. 9. Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn


Hs-Van Hien

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



Võ Kim Thủy Trang

Chịu trách nhiệm khoa học
Trưởng Khoa

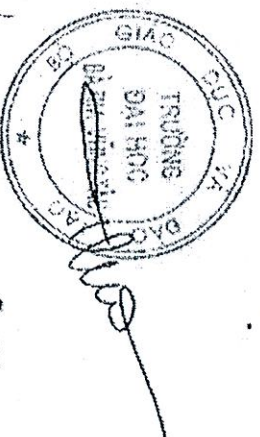


PGS.TS Hoàng Văn V. Sĩ

Giảng viên đọc lại, phản biện


Phạm Thị Thái Sơn

Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁRỊA-VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI
BỘ MÔN NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

- I. Thông tin tổng quát
1. Tên học phần tiếng Việt: Đọc hiểu 2 - Mã học phần: 0101120132
2. Tên học phần tiếng Anh: Reading 2
3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
 - ☐ Giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức chuyên ngành
 - ☒ Kiến thức cơ sở
 - ☐ Kiến thức bổ trợ
 - ☐ Kiến thức ngành
 - ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

4. Số tín chỉ:

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Số tiết tự học
3	3	0	6

5. Phụ trách học phần:

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học xã hội
- b. Giảng viên: Võ Kim Thủy Trang
- c. Địa chỉ email liên hệ: trang.vk@bvu.edu.vn
- d. Phòng làm việc: 1103- Cơ sở 1- 80 Trương Công Định, phường 3, Vũng Tàu

II. Thông tin về môn học

1. Mô tả môn học:

Học phần bao gồm 7 đơn vị bài học (bài 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8) trong giáo trình *Q: Skills for success 2*. Mỗi bài học gồm ba phần chính:

- **Phần 1: UNIT QUESTION:** Trong phần này, người học thảo luận và trả lời các câu hỏi xoay quanh chủ đề của các bài học, có cơ hội để nhỏ, nâng cao vốn từ vựng có liên quan đến chủ đề.

- **Phần 2: READING 1, 2:** cung cấp cho người học lượng từ vựng liên quan đến từng chủ đề, đồng thời cung cấp những kỹ năng cần thiết để làm bài đọc hiểu tìm ý chính hoặc các ý minh họa.

Ngoài ra, người học còn rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến của mình cũng như phản biện các vấn đề được nêu ra trong bài đọc.

Học xong môn học này sinh viên có khả năng:

Mục tiêu môn học (COs)	CDR môn học (CLOs)	Mô tả CDR	
CO1	CLO1	Sử dụng vốn từ vựng đa dạng để đọc hiểu các bài đọc theo các chủ đề phong phú về công việc, phương pháp học tập, kỳ nghỉ, tiếng cười, thể thao, sự lựa chọn và quyết định, công nghệ và những sự thay đổi, nỗi sợ hãi.	
	CLO2.1	Có kỹ năng xác định ý chi tiết; đọc hiểu thông tin một cách hiệu quả.	
	CLO2.2	Có kỹ năng ghi chú, ghi nhớ những thông tin chính của bài đọc.	
	CLO2.3	Có kỹ năng khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm chính của bài đọc.	
CO2	CLO2.4	Có kỹ năng xác định mục đích của tác giả, đoán được chủ đề và ý chi tiết trong đoạn văn.	
	CLO2.5	Biết cách dùng các cấu trúc câu phức tạp hơn, cụm từ, cụm động từ đúng và hiệu quả.	
	CLO2.6	Có kỹ năng suy luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, kỹ năng làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.	
	CLO2.7	Biết cách tra cứu sử dụng từ điển hiệu quả.	
CO3	CLO3.1	Có thái độ tích cực tham gia hoạt động học tập, chủ động, tự tin tham gia đóng góp ý kiến.	
	CLO3.2	Có ý thức tự học, tích cực rèn luyện kỹ năng đọc và có trách nhiệm với các bài tập được giao.	
	CLO3.3	Có thái độ hợp tác tốt với bạn trong các hoạt động nhóm.	
	CLO3.4	Phải tự tin và tích cực khi tiếp cận các văn bản, tài liệu viết bằng tiếng Anh.	

6. *Đánh giá môn học:*

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CDR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
A1. Đánh giá quá trình	Tham dự lớp học đầy đủ.	Thường xuyên	CLO3.1 CLO3.2	10%
	Tham gia xây dựng bài học, làm thêm bài đọc hiểu theo chủ đề trong giáo trình.	Quá trình	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu theo hình thức trắc nghiệm.	Giữa kỳ	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO2.6 CLO2.7	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Thi kết thúc học phần đọc hiểu 2 theo hình thức trắc nghiệm.	Cuối kỳ	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO2.6 CLO2.7 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	60%
Tổng cộng				100%

Ghi chú:

- a. **Đánh giá giữa kỳ:** Giảng viên có thể chọn hình thức kiểm tra giữa kỳ bằng bài kiểm tra tự luận, bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận (nhận định, tình huống), bài tiểu luận – thuyết trình nhóm...
- b. **Đánh giá cuối kỳ:** Giảng viên có thể chọn hình thức kiểm tra cuối kỳ bằng bài thi tự luận (nhận định, tình huống), bài báo cáo – thuyết trình nhóm...

<p>Tuần 2 /buổi thứ 2</p>	<p>Unit 1: MARKETING Why does something become popular?</p> <p>READING 1: Unusual Ideas to Make a Buzz</p> <p>READING 2: How do you decide?</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO3.3</p> <p>CLO3.4</p>	<p>- Sinh viên được cung cấp thông tin, từ vựng về chủ đề Marketing.</p> <p>- Sinh viên được rèn luyện kỹ năng xác định ý chính; cũng như biết cách dùng từ vựng trong "word family".</p> <p>- SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 2- Reading nội dung từ trang 2 – 16.</p>	<p>- SV làm thêm bài đọc hiểu về chủ đề Marketing</p>	<p><i>Tài liệu chính:</i> Joe McVeigh & Jenifer, Skills for success 2- Reading and Writing, Third Edition, Oxford University Press.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann (2006), <i>Interaction 2: Silver edition</i>, McGraw-Hill.</p>
<p>Tuần 3 /buổi thứ 3</p>	<p>Unit 3: SOCIAL PSYCHOLOGY What does it mean to be polite?</p> <p>READING 1: Being Polite form Culture to Culture</p> <p>READING 2: Answer to All Your Travel Question!</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO3.3</p> <p>CLO3.4</p>	<p>- Sinh viên được cung cấp thông tin, từ vựng về chủ đề tâm lý học xã hội.</p> <p>- Sinh viên được rèn luyện kỹ năng xác định ý chi tiết; đọc hiểu thông tin một cách hiệu quả, cũng như nâng cao hiểu biết về văn hóa ứng xử của các nước khác nhau trên thế giới và cách sử dụng hậu tố.</p> <p>- SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 2- Reading nội dung từ trang 26 - 40</p>	<p>- SV làm thêm bài đọc hiểu về chủ đề tâm lý học xã hội ở nhà.</p>	<p><i>Tài liệu chính:</i> Joe McVeigh & Jenifer, Skills for success 2- Reading and Writing, Third Edition, Oxford University Press.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Pamela Hartmann (2006), <i>Interaction 2: Silver edition</i>, McGraw-Hill.</p>

Tuần 8 /buổi thứ 8	Unit 7: ENVIRONMENTAL SCIENCE	CLO1	- Sinh viên được cung cấp thông tin, từ vựng về chủ đề khoa học môi trường.	- SV đọc thêm các bài đọc hiểu liên quan đến chủ đề khoa học môi trường.	Tài liệu chính: Joe McVeigh & Jenifer, Skills for success 2 – Reading and Writing, Third Edition, Oxford University Press. Tài liệu tham khảo: 1. Pamela Hartmann (2006), <i>Interaction 2: Silver edition</i> , McGraw-Hill.
	Do cities need nature?	CLO2.1			
	READING 1: Take a Nature Break	CLO2.5 CLO3.1	- Sinh viên được rèn luyện kỹ năng xác định các phát biểu, ứng hộ trong bài đọc; cũng như biết cách dùng cụm động từ đúng và hiệu quả.		
	READING 2: Naturally Urban	CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 2 – Reading nội dung từ trang 146 – 161		

8. Quy định của môn học

- 8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình: SV phải tham dự ít nhất 70% thời lượng môn học, tích cực tham gia hoạt động học tập trong lớp, làm đầy đủ các bài đọc hiểu thêm giáo viên giao ở nhà.
- 8.2. Quy định về đánh giá giữa kỳ: SV phải tham gia kỳ thi giữa kỳ kiểm tra kỹ năng đọc hiểu tại lớp theo thời gian được quy định trong lịch trình giảng dạy.
- 8.3. Quy định về đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham gia đầy đủ kỳ thi kết thúc học phần môn Đọc hiểu 2 theo đúng quy định và đạt điểm trung bình chung của môn lớn hơn hoặc bằng 4.0.
- 8.4. Quy định về cấm thi cuối kỳ: Sinh viên nghỉ quá 30% thời lượng môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- 8.5. Nội quy lớp học: Sinh viên phải chấp hành nội qui của nhà trường, có thái độ hòa nhã, lịch sự với giáo viên và các bạn cùng tham gia môn học.

Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn


Hs-Van Hien

Chịu trách nhiệm khoa học
Trưởng Khoa


PGS.TS. Hoàng Văn Việt

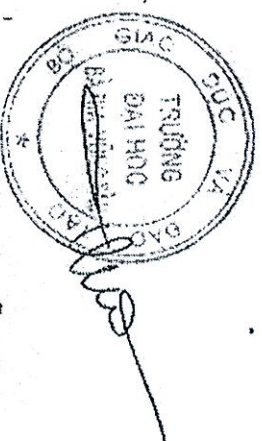
Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)


VS Kim Thuý Giang

Giảng viên đọc lại, phản biện


Bà Nguyễn Thị Yến

Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI
BỘ MÔN NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

- I. Thông tin tổng quát
1. Tên học phần tiếng Việt: Đọc hiểu 3 - Mã học phần: 0101120133
2. Tên học phần tiếng Anh: Reading 3
3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
- ☐ Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành
- ☒ Kiến thức cơ sở ☐ Kiến thức bổ trợ
- ☐ Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. Số tín chỉ:

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Số tiết tự học
3	3	0	6

5. Phụ trách học phần:
- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học xã hội
- b. Giảng viên: Võ Kim Thùy Trang
- c. Địa chỉ email liên hệ: trangvke@vnu.edu.vn
- d. Phòng làm việc: 1103- Cơ sở 1 - 80 Trương Công Định, phường 3, Vũng Tàu
- II. Thông tin về môn học
1. Mô tả môn học:

Học phần bao gồm 8 bài học được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài trong giáo trình *Q: Skills for success* 3. Mỗi nội dung bài học gồm ba phần chính:

+ Phần 1: PREVIEW THE UNIT

Trong phần này, người học thảo luận với nhau về các câu hỏi xoay quanh chủ đề của bài học, có cơ hội để nhớ lại những từ vựng có liên quan đến chủ đề sẽ học.

+ Phần 2: READING 1, 2

Cung cấp cho người học lượng từ vựng liên quan đến từng chủ đề, đồng thời hướng dẫn kỹ năng đọc hiểu qua như khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc lướt để lấy thông tin chính, đọc quét để xác định thông tin chi tiết, ghi chú thông tin (tốc ký), sử dụng các kỹ năng qui chiếu cơ bản, sử dụng sự hỗ trợ của đồ họa, phân biệt ý chính và ý bổ trợ, kỹ năng phân

	<p>cảnh, sử dụng tiền tố, hậu tố, gốc từ để đoán nghĩa của từ mới, kết hợp từ: kỹ năng tìm từ đồng nghĩa, cách dùng từ điển.</p> <p>- Có kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng đọc lướt, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, kỹ năng đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, kỹ năng làm việc nhóm.</p>	
CO3	<p>- Có ý thức rèn luyện, học tập nghiêm túc, chuyên cần, năng động, sáng tạo và thói quen tìm hiểu, nghiên cứu để mở mang kiến thức.</p> <p>- Nhân thức được vai trò quan trọng của học phần và có thái độ học và luyện tập nghiêm túc để cải thiện kỹ năng đọc cũng như chuẩn bị tốt hơn cho những học phần tiếp theo.</p>	<p>PLO-A1, PLO-A2</p>

4. Chuẩn đầu ra (CDR) môn học – Course Learning Outcomes (CLOs):

Mục tiêu môn học (COs)	CDR môn học (CLOs)	Mô tả CDR	
CO1	CLO1	Sử dụng vốn từ vựng đa dạng để đọc hiểu các bài đọc theo các chủ đề phong phú về xã hội học, khoa học thực phẩm và dinh dưỡng, công nghệ thông tin, marketing, tâm lý học, nhân kinh học, kinh tế học, và nghiên cứu hành vi.	
	CLO2.1	Có kỹ năng phân biệt ý chính và ý hỗ trợ, cách tìm từ trong từ điển và kỹ năng nhận dạng sự liên quan và tầm quan trọng của các ý.	
	CLO2.2	Có kỹ năng đọc hiểu thông tin một cách hiệu quả.	
	CLO2.3	Có kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng suy luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, kỹ năng làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.	
	CLO2.4	Có kỹ năng ghi chú thông tin (tốc ký).	
	CLO2.5	Có kỹ năng sử dụng tiền tố, hậu tố, gốc từ để đoán nghĩa của từ mới.	
CO2	CLO2.6	Có kỹ năng sử dụng sự hỗ trợ của đồ họa để nắm bắt cục bài đọc, hiểu được và biết cách tóm tắt những ý chính của bài đọc.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PLO-K1	PLO-K2	PLO-S1	PLO-S2	PLO-S3	PLO-S4	PLO-A1	PLO-A2
1	x	x						
2.1			x	x				
2.2			x	x				
2.3					x	x		
2.4					x			
2.5			x	x				
2.6					x	x		
2.7					x	x		
3.1							x	x
3.2								x
3.3								x
3.4								x

5. Học liệu

a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

Colin Ward & Margot Gramer (2019), *Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing*, Oxford University Press.

b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:

1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), *Mosaic 2-Reading*, McGraw-Hill.
2. Jackie McAvoy (2009), *Effective Reading: Pre-Intermediate*, Macmillan Education Australia.

c. Các website:

1. Trang web thực hành online: <https://q3e.oxfordonlinepractice.com/app/dashboard>
2. Trang trình chiếu Tool: <https://www.oxfordlearnersbookshelf.com/home/main.html>

7. Kế hoạch giảng dạy

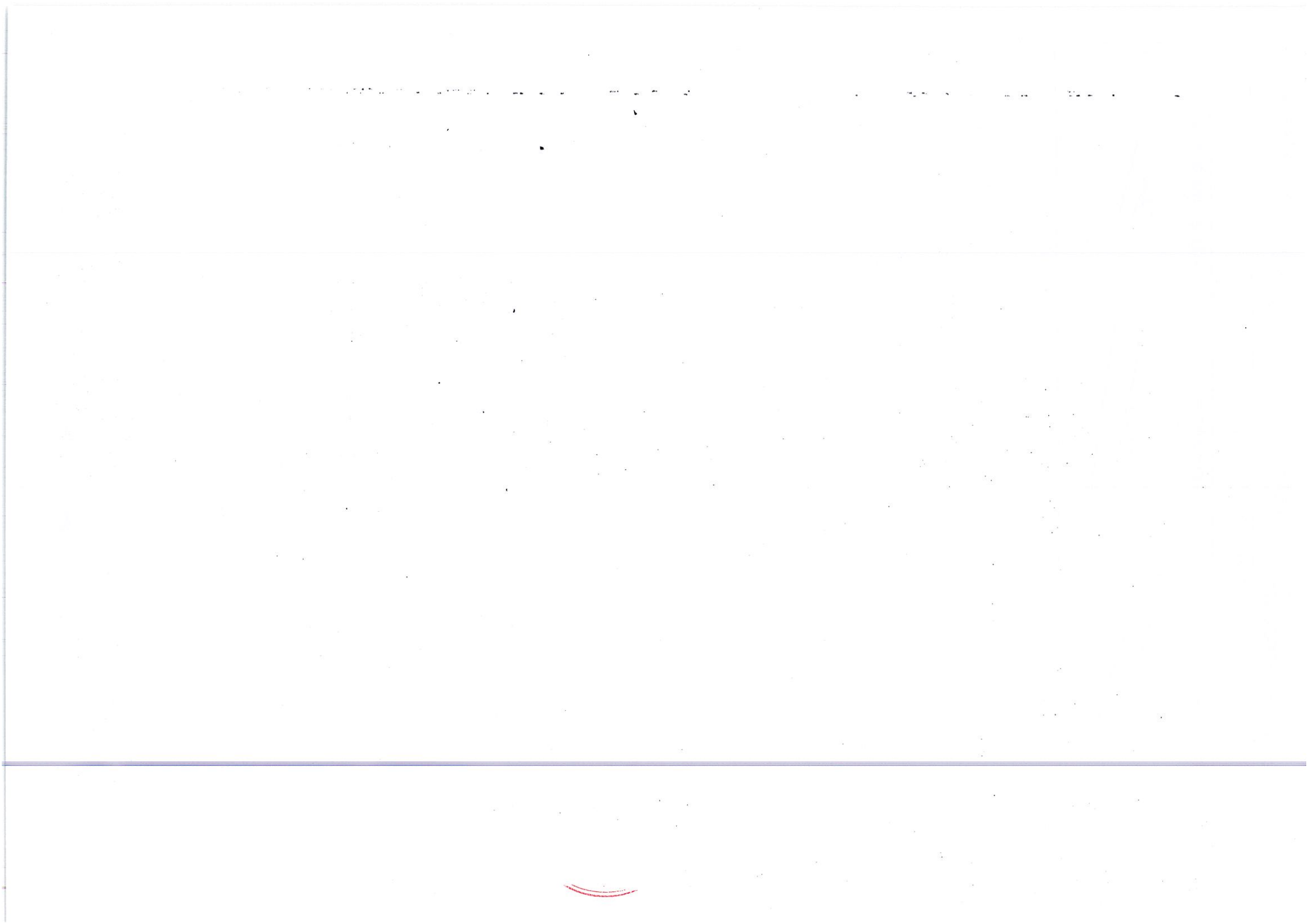
Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	Orientation	3	4	5	6
Tuần 1 /buổi thứ 1		CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- Trao đổi với sinh viên mục tiêu cụ thể của học phần, phương pháp học, giáo trình, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần và tài nguyên học phù hợp với trình độ của sinh viên để sinh viên luyện tập thêm. - Khuyến khích sv sử dụng giáo trình gốc để làm BT online. - GV công bố 20-30% nội dung học phần làm online và cách thức làm việc online. - Gv tạo nhóm zalo để thông tin kịp thời đến lớp. Đảm bảo tất cả các thành viên tham gia nhóm này. - GV thông báo SV địa điểm mua sách (sách gốc hoặc sách photo) - GV yêu cầu SV chuẩn bị vở học từ vựng (dùng luôn cho 4 học phần đọc). Gv thường xuyên kiểm tra việc ghi và học từ của SV.		Tài liệu chính: Colin Ward & Margot Gramer (2019), <i>Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing</i> , Oxford University Press. Tài liệu tham khảo: 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate, Macmillan Education Australia</i> .

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
	UNIT 2: Nutritional Science Q. What makes food attractive? Reading 1: Knowing Your Tastes Critical Thinking Strategy: Making inferences Reading Skill: Previewing a text Reading 2: Eating with Our Eyes Work with the Video: Sou Food Vocabulary Skill: Use of context to understand words	CLO1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	-Sinh viên sẽ được mở rộng vốn từ về chủ đề khoa học thực phẩm và dinh dưỡng. -Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông tin một cách hiệu quả, cũng như rèn luyện kỹ năng phân biệt. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 3- Reading nội dung đọc 1-2.	- SV đọc thêm về các bài chủ đề khoa học thực phẩm và dinh dưỡng.	<i>Tài liệu chính:</i> Colin Ward & Margot Gramer (2019), <i>Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing</i> , Oxford University Press. <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate</i> , Macmillan Education Australia.
Tuần 4 /buổi thứ 4	UNIT 3: Information Technology Q. How has technology affected our lives? Reading 1: Cars That Think Critical Thinking Strategy: Identifying advantages and disadvantages Reading Skill: Taking notes Reading 2: Classrooms without Walls Work with the Video: How Algorithms Changed the World	CLO1 CLO2.4 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- Sinh viên có thêm kiến thức và hiểu biết về công nghệ thông tin. - Sinh viên tiếp tục được rèn luyện và củng cố các kỹ năng đọc và kỹ năng ghi chú thông tin (tốc ký). - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 3- Reading nội dung đọc 1-2.	-SV đọc thêm các bài đọc hiệu liên quan đến công nghệ thông tin.	<i>Tài liệu chính:</i> Colin Ward & Margot Gramer (2019), <i>Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing</i> , Oxford University Press. <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill.

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 5 /buổi thứ 5	UNIT 4: Marketing Q. Does advertising help or harm us? Reading 1: Can Targeted Ads Change You? Reading Skill: Distinguishing facts from opinions Reading 2: In Defense of Advertising Critical Thinking Strategy: Using a Venn diagram Work with the Video: How Tech Companies Monetize Data Vocabulary Skill: Suffixes	CLO1 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- Sinh viên có thêm lượng thông tin về lĩnh vực marketing. - Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân biệt thực tế và lĩnh vực ý kiến, kỹ năng summarketing. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 3-Reading nội dung đọc 1-2.	- SV đọc thêm các bài đọc hiểu liên quan đến chủ đề tâm lý học.	<i>Tài liệu chính:</i> Colin Ward & Margot Gramer (2019), <i>Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing</i> , Oxford <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate</i> , Macmillan Education Australia.
Tuần 6 /buổi thứ 6	UNIT 5: Psychology Q. How do people overcome obstacles? Reading 1: How People Learn to Become Resilient Critical Thinking Strategy: Justifying your opinion of a text Reading Skill: Using referents to understand contrast Reading 2: The Climb of My Life Work with the Video: Shona Regains Her	CLO1 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- Sinh viên có thêm kiến thức và hiểu biết về tâm lý học. - Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng các kỹ năng qui chiếu cơ bản cũng như rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 3-Reading nội dung đọc 1-2.	- SV đọc thêm các bài đọc hiểu liên quan đến chủ đề tâm lý học.	<i>Tài liệu chính:</i> Colin Ward & Margot Gramer (2019), <i>Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing</i> , Oxford <i>Tài liệu tham khảo:</i> University Press. 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> ,

Reading: Pre-
Intermediate,
Macmillan
Education
Australia.

UNIT 8: Behavioral Studies Q. What does it take to be successful? Reading 1: Fast Cars, Big Money Reading Skill: Scanning text Reading 2: Practice Makes... Pain Critical Thinking Strategy: Identifying problems and solutions Work with the Video: Sports Scholarships in the USA Vocabulary Skill: Collocations with adjectives + prepositions	CLO1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- Sinh viên có thêm kiến thức về lĩnh vực nghiên cứu hành vi. - Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc nhanh. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 3-Reading nội dung đọc 1-2.	-SV đọc thêm các bài đọc hiệu về lĩnh vực nghiên cứu hành vi.	Tài liệu chính: Colin Ward & Margot Gramer (2019), <i>Q: Skills for Success Level 3 Reading and Writing</i> , Oxford University Press. Tài liệu tham khảo: 1. Brenda Wegmann & Milki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate</i> , Macmillan Education Australia.
--	--	---	---	---



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHOA NGOẠI NGỮ & KHOA HỌC XÃ HỘI
BỘ MÔN NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát
1. *Tên học phần tiếng Việt:* Đọc hiểu 4 - *Mã học phần:* 0101120233
2. *Tên học phần tiếng Anh:* Reading 4
3. *Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:*
- ☐ Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành
- ☒ Kiến thức cơ sở ☐ Kiến thức bổ trợ
- ☐ Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. *Số tín chỉ:*

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Số tiết tự học
3	3	0	6

5. *Phụ trách học phần:*

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học xã hội
- b. Giảng viên: *Võ Kim Thủy Giang*
- c. Địa chỉ email liên hệ: *tainguet@bvu.edu.vn*
- d. Phòng làm việc: 1103- Cơ sở 1- 80 Trương Công Định, phường 3, Vũng Tàu

II. *Thông tin về môn học*

1. *Mô tả môn học:*

Học phần bao gồm 7 đơn vị bài học (1,2,4,5,6,7,8) được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài trong giáo trình *Q: Skills for success 4*. Mỗi nội dung bài học gồm ba phần chính:

- **Phần 1: UNIT QUESTION:** Trong phần này, người học thảo luận và trả lời các câu hỏi xoay quanh chủ đề của các bài học, có cơ hội đề nhỏ, nâng cao vốn từ vựng có liên quan đến chủ đề.

- **Phần 2: READING 1, 2:** cung cấp cho người học lượng từ vựng liên quan đến từng chủ đề, đồng thời cung cấp những kỹ năng cần thiết để làm bài đọc hiểu tìm ý chính hoặc các ý minh họa.

Ngoài ra, người học còn rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến của mình cũng như phản biện các vấn đề được nêu ra trong bài đọc.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) môn học – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học xong môn học này sinh viên có khả năng:

Mục tiêu môn học (COs)	CDR môn học (CLOs)	Mô tả CDR	
CO1	CLO1	Sử dụng vốn từ vựng đa dạng để đọc hiểu các bài đọc theo các chủ đề phong phú về: <i>Sociology, Behavioral Science, Science and Technology, Nutrition Science, Education, Geology, Engineering.</i>	
	CLO2.1	Có kỹ năng kỹ năng đọc lướt, đoán nội dung bài đọc, và đọc chi tiết, tìm ý chính... khi làm bài đọc hiểu	
	CLO2.2	Có kỹ năng đọc hiểu thông tin trong bài đọc một cách hiệu quả.	
	CLO2.3	Có kỹ năng tư duy phân biện, kỹ năng suy luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	
CO2	CLO2.4	Vận dụng được các kỹ năng đọc đã học vào một bài đọc có độ dài trung bình.	
	CLO2.5	Có kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, vận dụng làm được bài thi đọc hiểu có mức độ phức tạp của các kỳ thi tiếng Anh quốc tế.	
	CLO2.6	Có khả năng đọc độc lập và tương tác với các thành viên khác trong nhóm.	
	CLO2.7	Có khả năng đọc được các dạng tài liệu khác nhau ở trình độ nâng cao.	
CO3	CLO3.1	Có thái độ tích cực tham gia hoạt động học tập, có tính chủ động đặt vấn đề có liên quan đến môn học.	
	CLO3.2	Có ý thức tự học, tích cực rèn luyện kỹ năng đọc và có trách nhiệm với các bài tập được giao.	
	CLO3.3	Có thái độ hợp tác tốt với bạn trong các hoạt động nhóm.	
	CLO3.4	Phải tư tin và tích cực khi tiếp cận các văn bản, tài liệu viết bằng tiếng Anh.	

6. *Đánh giá môn học:*

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CBDR môn học	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	
A1. Đánh giá quá trình	Tham dự lớp học đầy đủ.	Thường xuyên	CL03.1 CL03.2	10%
	Tham gia xây dựng bài học, làm thêm bài đọc hiểu theo các chủ đề trong giáo trình.	Quá trình	CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL03.4	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu theo hình thức trắc nghiệm.	Giữa kỳ	CL01 CL02.1 CL02.2 CL02.3 CL02.4 CL02.5 CL02.6 CL02.7	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Thi kết thúc học phần đọc hiểu 4 theo hình thức trắc nghiệm.	Cuối kỳ	CL01 CL02.1 CL02.2 CL02.3 CL02.4 CL02.5 CL02.6 CL02.7 CL03.1 CL03.2 CL03.3 CL03.4	60%
Tổng cộng				100%

Ghi chú:

- Đánh giá giữa kỳ:** Giảng viên có thể chọn hình thức kiểm tra giữa kỳ bằng bài kiểm tra tự luận, bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận (nhận định, tình huống), bài tiểu luận – thuyết trình nhóm...
- Đánh giá cuối kỳ:** Giảng viên có thể chọn hình thức kiểm tra cuối kỳ bằng bài thi tự luận (nhận định, tình huống), bài báo cáo – thuyết trình nhóm...

<p>Tuần 2 /buổi thứ 2</p>	<p>UNIT 1: Sociology Q. What makes someone admirable? READING 1: We All Need A Role Model READING 2: Everyday Heroes</p>	<p>CLO1 CLO2.1 CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4</p>	<p>- Sinh viên sẽ có cơ hội đọc thông tin, nâng cao vốn từ vựng, hiểu biết về xã hội học - Sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc lướt, đoán nội dung bài đọc, và đọc chi tiết, tìm ý chính... - khi làm bài đọc hiểu; cũng như rèn luyện kỹ năng phân biện về xã hội học - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 4- Reading nội dung đọc 1-2.</p>	<p>- SV làm thêm bài đọc hiểu về lĩnh vực xã hội học ở nhà.</p>	<p><i>Tài liệu chính:</i> Debra Daise & Charl Norloff (2018), <i>Q Skills for success – Reading and Writing</i>, Oxford University Press, third edition. <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i>, McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate, Macmillan Education Australia</i>. 3. Els Van Geyte (2013), <i>Get Ready for IELTS Reading</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM.</p>
-----------------------------------	---	--	---	---	---

Air		CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	Reading nội dung đọc 1-2.	1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate</i> , Macmillan Education Australia. 3. Els Van Geyte (2013), <i>Get Ready for IELTS Reading</i> , NXB Tổng Hợp TP.HCM.
-----	--	--------------------------------------	------------------------------	--

		CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4			
Tuần 7 /buổi thứ 7	Unit 6: Education Q. Does school prepare for work? READING 1: From Students to Employee: A Difficult Transition READING 2: Making My First Post-College Career Decision	CLO1 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO2.4 CLO2.5 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO3.4	- Sinh viên sẽ được mở rộng vốn từ vựng, hiểu biết về chủ đề về giáo dục. - Sinh viên tiếp tục được rèn luyện và củng cố các kỹ năng đọc hiểu. - SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 4-Reading nội dung đọc 1-2.	- SV đọc thêm các bài đọc hiểu liên quan đến chủ đề giáo dục.	<i>Tài liệu chính:</i> Debra Daise & Charli Nortloff (2018), <i>Q Skills for success – Reading and Writing</i> , Oxford University Press, third edition. <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Brenda Wegmann & Miki Knezevic (2012), <i>Mosaic 2-Reading</i> , McGraw-Hill. 2. Jackie McAvoy (2009), <i>Effective Reading: Pre-Intermediate</i> , Macmillan Education Australia. 3. Els Van Geyte (2013), <i>Get Ready for IELTS Reading</i> , NXB Tổng Hợp TP.HCM.

			- SV nghiên cứu trước tài liệu Skills for Success 4- Reading nội dung đọc 1-2.	Macmillan Education Australia. 3. Els Van Geyre (2013), <i>Get Ready for IELTS Reading</i> . NXB Tổng Hợp TP.HCM.
--	--	--	--	--

8. Quy định của môn học

- 8.1. Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình: SV phải tham dự ít nhất 70% thời lượng môn học, tích cực tham gia hoạt động học tập trong lớp, làm đầy đủ các bài đọc hiểu thêm giáo viên giao ở nhà.
- 8.2. Quy định về đánh giá giữa kỳ: SV phải tham gia kỳ thi giữa kỳ kiểm tra kỹ năng đọc hiểu tại lớp theo thời gian được quy định trong lịch trình giảng dạy.
- 8.3. Quy định về đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham gia đầy đủ kỳ thi kết thúc học phần môn Đọc hiểu 4 theo đúng quy định và đạt điểm trung bình chung của môn lớn hơn hoặc bằng 4.0.
- 8.4. Quy định về cấm thi cuối kỳ: Sinh viên nghỉ quá 30% thời lượng môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- 8.5. Nội quy lớp học: Sinh viên phải chấp hành nội qui của nhà trường, có thái độ hòa nhã, lịch sự với giáo viên và các bạn cùng tham gia môn học.

9 Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn


Họ và tên

Chịu trách nhiệm khoa học
Trưởng Khoa




PGS.TS Hoàng Văn Việt

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

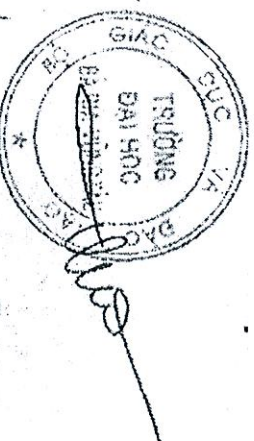

Võ Kim Thuý (trưởng)

Giảng viên đọc lại, phản biện


Phạm Thị Hải Yến

Phê chuẩn của

Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
KHOA: NGOẠI NGỮ VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI
BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát:
1. Tên học phần tiếng Việt: *Ngữ âm – Âm vị - Mã học phần: 120140*
2. Tên học phần tiếng Anh: *Phonetics and Phonology*
3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở

☐ Kiến thức chuyên ngành
☐ Kiến thức bổ trợ
- x Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. Số tín chỉ: 2 (2, 0, 6)

Tổng số (tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Số tiết tự học
30	30	0	60

5. Phụ trách học phần:
 - a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội
 - b. Giảng viên: ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung
 - c. Địa chỉ email liên hệ: nhungntp@bvu.edu.vn
 - d. Phòng làm việc: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội
- II. Thông tin về học phần:

1. **Mô tả học phần:**
 Học phần Ngữ âm và âm vị học cung cấp cho người học nội dung liên quan đến các khái niệm cơ bản của Ngữ âm và âm vị học, bộ phận cấu âm, cách cấu âm, các kiểu âm chính và tiêu chuẩn phân loại nguyên âm, phụ âm. Ngoài ra, chương trình học cung cấp kiến thức liên quan đến các hiện tượng ngữ âm gồm: dòng hoá âm, biến mất âm, nói âm

2. **Học phần điều kiện:**

STT	Học phần điều kiện	Mã học phần
1	Môn tiên quyết: đã học qua học phần luyện âm	
2	Học phần trước: luyện âm	



CO2	CL.O2	Sinh viên vận dụng kiến thức đã học được để biết cách miêu tả và phân biệt các nhóm âm, các hiện tượng ngữ âm.
CO3	CL.O3	Hoàn thành học phần, sinh viên biết cách vận dụng các lý thuyết để luyện phát âm, có năng lực phát âm tốt hơn, nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp, làm việc, giảng dạy tiếng Anh.
CO4	CL.O4	Hoàn thành học phần, sinh viên có thể đối chiếu, phân loại các nhóm âm, phân biệt giữa các hiện tượng ngữ âm khác nhau.
CO5	CL.O5	Sinh viên hình thành thái độ khách quan, cân trọng, đa chiều trong suy luận, phân tích, đánh giá một lý thuyết, quan điểm, nhận định về các âm và các hiện tượng ngữ âm tiếng Anh.
CO6	CL.O6	Sinh viên hình thành được thái độ nghiêm túc, chủ động, tích cực nghiên cứu trong học tập và trong chuyên môn.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CL.Os	PL.O1	PL.O2	PL.O3	PL.O4	PL.O5	PL.O6	PL.O7	PL.O8	PL.O9	PL.O10	PL.O11	PL.O12	PL.O13
1			X										
2			X										
3						X	X						
4						X	X						
5											X	X	
6													X

5. Học liệu:

a. Tài liệu chính:

[1]. Peter Roach, *English Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press, 2000.

b. Tài liệu tham khảo lựa chọn:

[2]. Lisa Mojsin M.A, *Mastering the American Accent*, Barron's Educational Series, 2009.

c. Các website:

[3]. <http://www.ello.uos.de/field.php/PhoneticsandPhonology/PhoneticsandPhonology>

[4]. <http://www.agendaweb.org/phonetic.html>

2. Đánh giá học phần:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá/Nội dung đánh giá	Thời điểm	CDR học phần	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)

Tuần 1 (3 tiết)	Chương 1: Introduction to Phonetics and Phonology + The production of speech sounds	CLO1	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu và định hướng môn học; công bố giáo trình, lịch kiểm tra giữa kỳ, tiêu chí đánh giá môn học. - Cung cấp cho sinh viên định nghĩa về phonetics và phonology, sự khác biệt giữa 2 khái niệm, các cơ quan phát âm trong quan trọng. - Giảng viên giảng dạy trực tiếp SINH VIÊN: Sinh viên thực hiện thu thập kiến thức, ghi chú đầy đủ thông tin, xử lý tình huống, bài tập	A1	Tài liệu 1
Tuần 2 -3 (6 tiết)	Chương 2: Vowels	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GIẢNG VIÊN: - Cung cấp kiến thức về hệ thống nguyên âm tiếng Anh bao gồm: nguyên âm ngắn, nguyên âm dài, nguyên âm đôi và ba, và các đặc điểm phát âm của chúng - Giảng viên giảng dạy trực tiếp - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, cách phân biệt các nhóm âm và áp dụng vào việc phát âm đúng SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, quay video luyện phát âm	A1	Tài liệu 1

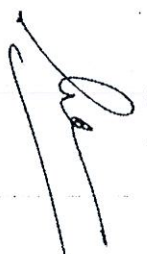


		- Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, quay video luyện phát âm		
Tuần 9,10 (6 tiết)	Chương 10: Phonological rules	CLO2 GIẢNG VIÊN: - Cung cấp kiến thức về các nguyên tắc đồng hóa âm (assimilation), mất âm (elision), nối âm (linking), giảm nhẹ âm (reduction rules) CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	A2	Tài liệu 1
		- Giảng viên giảng dạy trực tiếp - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, cách phân biệt các nguyên tắc ngữ âm và áp dụng vào việc phát âm đúng, giao tiếp tốt SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước bài học. - - Làm các bài tập, quay video luyện các nguyên tắc ngữ âm		

b. Quy định của học phần:

- 8.1. **Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình:** Điểm trung bình của các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, điểm chuyên cần thái độ học tập chiếm tỷ lệ 20%;
- 8.2. **Quy định về đánh giá giữa kỳ:** 20% điểm học phần, Hình thức thi: Tự luận;
- 8.3. **Quy định về đánh giá cuối kỳ:** 60% điểm học phần; Hình thức thi: Tự luận;
- 8.4. **Quy định về cấm thi cuối kỳ:** Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học của học phần sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần;

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU

KHOA: NGOẠI NGỮ VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát:
1. *Tên học phần tiếng Việt: Luyện âm tiếng Anh - Mã học phần: 121250*
2. *Tên học phần tiếng Anh: English Pronunciation Practice*
3. *Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:*
 - ☐ Giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức đại cương
 - ☐ Kiến thức chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở
 - ☐ Kiến thức bổ trợ
 - ☐ Kiến thức ngành
 - ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. *Số tín chỉ: 2 (2, 0, 6)*

Tổng số (tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Số tiết tự học
30	30	0	60

5. *Phụ trách học phần:*

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội
- b. Giảng viên: ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung
- c. Địa chỉ email liên hệ: nhungntp@bvu.edu.vn
- d. Phòng làm việc: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội

II. *Thông tin về học phần:*

1. *Mô tả học phần:*

Học phần Luyện Âm tiếng Anh được thiết kế nhằm mang đến cho sinh viên cái nhìn sơ lược về hệ thống âm trong tiếng Anh giúp người học nhận thức được những điểm khác biệt cơ bản giữa phát âm tiếng Anh và phát âm tiếng Việt, thấy được một số âm tố trong tiếng Anh không có trong tiếng Việt và chính những điều này đã gây ra nhiều khó khăn cho sinh viên trong quá trình phát âm tiếng Anh. Thường xuyên hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm, góp phần làm tăng hiệu quả của hoạt động nghe nói bằng tiếng Anh và tạo sự tự tin trong giao tiếp. Bên cạnh đó học phần



CO6	- Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, năng động, sáng tạo và thói quen tìm hiểu, nghiên cứu để mở mang kiến thức.	PL013
-----	--	-------

4. *Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):*

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mức tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1	Hoàn thành học phần sinh viên có thể nắm vững kiến thức cơ bản về âm (nguyên âm và phụ âm), âm tiết; trọng âm của từ; các ký hiệu phiên âm.
CO2	CLO2	Sinh viên vận dụng kiến thức đã học được để nhận biết, phân biệt các cặp âm phụ âm gần giống nhau và phát âm những cặp âm này một cách rõ ràng và chuẩn xác.
CO3	CLO3	Hoàn thành học phần, sinh viên biết cách vận dụng lý thuyết để hỗ trợ cho phần thực hành tiếng, luyện phát âm, có được năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm, phát triển khả năng giao tiếp và có thể ứng dụng trong việc hướng dẫn học viên sau này.
CO4	CLO4	Hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để đối chiếu, mô tả và phân loại âm, trọng âm, các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, dấu nhân
CO5	CLO5	Sinh viên hình thành sự ham thích rèn luyện phát âm, Kiên trì luyện phát âm những âm khó, sẵn sàng lắng nghe và sửa lỗi khi phát âm sai
CO6	CLO6	Sinh viên hình thành được thái độ nghiêm túc, chủ động, tích cực nghiên cứu trong học tập và trong chuyên môn.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013
1			X										
2			X										
3						X	X						
4						X	X						
5											X	X	
6													X

5. *Học liệu:*

a. *Tài liệu chính:*

Tiêu chí đánh giá bài thi: Đảm bảo tính chính xác, đúng ý			
Tổng cộng			100%

a. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần n/ buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 1,2,3 (9 tiết)	Chương 1: Vowel sounds 1.1: Pizza for dinner /i:/ and /ɪ/ 1.2: A spoonful of sugar /u:/ and /ʊ/ 1.3: Father and mother /ɑ:/ and /ʌ/ 1.4: A dog in the corner /ɔ:/ and /ɒ/ 1.5: Bread and jam /e/ and /æ/ 1.6: My birthday's on Thursday /ɜ:/	CLO1	GIẢNG VIÊN: - Giới thiệu và định hướng môn học; công bố giáo trình, lịch kiểm tra giữa kỳ, tiêu chí đánh giá môn học. - Cung cấp cho sinh viên biết cách nhận biết, phân biệt các cặp âm nguyên âm gần giống nhau và biết phân đoán nhận dạng âm nguyên âm nhằm tạo nên tầng đề phát âm những cặp âm này một cách rõ ràng và chuẩn xác. - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, cách phân biệt các nhóm âm và áp dụng vào việc phát âm đúng - Giảng viên giảng dạy trực tiếp SINH VIÊN: - Sinh viên thực hiện thu thập kiến thức, ghi chú đầy đủ thông tin,	A1	Tài liệu 1

Tuần 9 (3 tiết)		<p>3.7: It's the wrong size, isn't it? /s/ and /z/</p> <p>3.8: Fresh fish, usually /ʃ/ and /z/</p> <p>3.9: Chips and juice /tʃ/ and /dʒ/</p> <p>3.10: My hungry uncle /m/, /n/, and /ŋ/</p> <p>3.11: How many hours? /h/</p> <p>3.12: That's life! /l/</p> <p>3.13: What terrible weather! /r/</p> <p>3.14: What's the news? /w/ and /j/</p> <p>3.15: Consonant groups in words</p> <ul style="list-style-type: none"> Sunglasses or umbrella? - Consonant groups in the middle of words Train in the rain - Consonant groups at the beginning of words Pink and orange - Consonant groups at the end of words Last week - Consonant groups across words 	<p>cum phụ âm ở vị trí đầu, cuối, và giữa các từ.</p> <p>- Giảng viên giảng dạy trực tiếp</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, cách phân biệt các nhóm âm và áp dụng vào việc phát âm đúng</p> <p>SINH VIÊN:</p> <p>- Nghiên cứu trước bài học.</p> <p>- Làm các bài tập, quay video luyện phát âm</p>		
	<p>Midterm test</p> <p>Test correction</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <p>- Giảng viên chuẩn bị đề và tổ chức thi tại lớp học</p> <p>SINH VIÊN:</p> <p>- Sinh viên vận dụng các kiến thức kỹ năng đã học vào bài dịch thi; tham gia thi giữa kỳ nghiêm túc</p>	A1	Tài liệu 1

Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực; sử dụng điện thoại đúng mục đích tra cứu kiến thức môn học
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của trường.

Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn

Trưởng Bộ môn


Ho Van Phan

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đại Phát


Chịu trách nhiệm khoa học

Trưởng Khoa

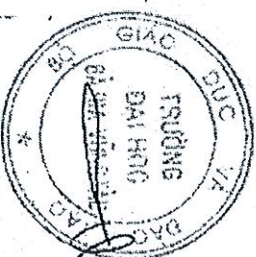


Pgs.TS Hoàng Văn Việt

Giảng viên đọc lại, phản biện


Phan Thị Thanh Xuân




Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

- Tên học phần tiếng Việt:** Hình vị-Củ pháp học
- Mã học phần:** 121251
- Tên học phần tiếng Anh:** Morphology – Syntax
- Thuộc khối Kiến thức/kỹ năng:**
☐ Giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở
☐ Kiến thức ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành
- Số tín chỉ:** 3 (3,0,6)
☐ Kiến thức ngành
☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
45	45		90

6. Phụ trách học phần:

a. Đơn vị phụ trách: Ngành NNA – Khoa NN- KHXH

b. Giảng viên: ThS Lê Thị Mai

c. Địa chỉ email liên hệ: mailth@bvu.edu.vn

d. Điện thoại: 0399649640

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hình thái học & cú pháp học tiếng Anh. Cung cấp cho SV lý thuyết chung về hình vị, từ vựng và các từ loại của chúng trong tiếng Anh hiện đại; các quy trình hình thành và các quy tắc phân tích từ vựng tiếng Anh; các lớp từ, các loại cụm từ, mệnh đề và câu; các quan hệ ngữ pháp...

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1.1	Hiểu được bản chất của cấu tạo từ trong tiếng Anh
	CLO1.2	Hiểu được cách thành lập từ, biết phân tích các vấn đề về cấu tạo từ
CO2	CLO2.1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về cụm từ, cách thành lập cụm từ
	CLO2.2	Hiểu được cấu trúc của câu và cách phân tích câu trong tiếng Anh
	CLO2.3	Hiểu được thể nào là mệnh đề tiếng Anh, cấu trúc thông tin và ngữ pháp biến đổi
CO3	CLO3.1	Hiểu và vận dụng thành thạo cách phân tích từ, cách xác định hình vị của từ
	CLO3.2	Có khả năng phân tích nhiều từ theo cấu trúc Ics
CO4	CLO4.1	Có khả năng hiểu được văn phạm và các loại văn phạm, mệnh đề, cấu trúc của cụm vị ngữ trong ngôn ngữ tiếng Anh
	CLO4.2	Giúp sinh viên có thể vận dụng thành thạo phương pháp phân tích cụm từ, mệnh đề và cấu tạo câu trong tiếng Anh
CO5	CLO5	Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu học tập đã đề ra; Chủ động và tích cực vận dụng những kiến thức, kỹ năng trong học phần để không ngừng hoàn thiện, phát triển bản thân.

Mã trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014
1			✓			✓			✓					
2			✓			✓			✓					
3			✓			✓			✓					
4			✓			✓			✓					
5			✓			✓			✓					

4. Học liệu:

a. Tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1]. Tô Minh Thanh (2011). *English Morphology & Syntax (3rd Ed.)*. Ho Chi Minh City:

VNU Publishing House.

5. Kế hoạch giảng dạy:

a. Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học:

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực : thuyết trình và thảo luận

b. Phương tiện dạy và học:

Phương tiện dạy học bao gồm: máy chiếu, handouts, phần, bảng, ...

c. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 1/buổi 1 & 2 (6 tiết)	Introduction Morphemes 1. Definition- Characteristics 2. How to distinguish Morphemes from Syllables and Words? 3. Classification of Morphemes	CO1; CO3 & CO5	Tổ chức các hoạt động thảo luận, thuyết giảng & thuyết trình	Bài tập kiểm tra (Tự luận/Trắc nghiệm).	[1] [2] a, [1]b
Tuần 2/buổi thứ 3 & 4 (6 tiết)	1. Derivation 2. Inflection 3. Compounding	CO1; CO3 & CO5	Tổ chức các hoạt động thảo luận, thuyết giảng & thuyết trình	Bài tập kiểm tra (Tự luận/Trắc nghiệm).	[1] [2] a, [1]b
Tuần 3/buổi thứ 5 & 6 (6 tiết)	Immediate Constituents in Morphology 1. Definition 2. Some Recommendations on IC division 3. Diagram	CO1; CO3 & CO5	Tổ chức các hoạt động thảo luận, thuyết giảng & thuyết trình	Bài tập kiểm tra (Tự luận/Trắc nghiệm).	[1] [2] a, [1]b

Tuần 9/buổi thứ 12 (3 tiết)	Sentences classified according to structure	CO ₂ , & CO ₄ & CO ₅	Tổ chức các hoạt động thảo luận, thuyết giảng & thuyết trình	Bài tập kiểm tra (Tự luận).	[1] [2] a, [2]b
Tuần 10/buổi thứ 13 (3 tiết)	Revision	CO ₂ , CO ₄ & CO ₅	Tổ chức các hoạt động thảo luận, thuyết giảng & thuyết trình	Bài tập kiểm tra (Tự luận/Trắc nghiệm).	[1] [2] a, [2]b

6. Quy định của học phần:

- Quy định về đánh giá chuyên cần, quá trình:* Điểm trung bình của các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, điểm chuyên cần thái độ học tập chiếm tỷ lệ 20%.
- Quy định về đánh giá giữa kỳ:* 20% điểm học phần, Hình thức thi: Tự luận.
- Quy định về đánh giá cuối kỳ:* 60% điểm học phần; Hình thức thi: Thực hành
- Quy định về cấm thi cuối kỳ:* Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học của học phần sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

e. Nội quy lớp học:

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy đúng theo đề cương, kế hoạch giảng dạy; Phương pháp giảng dạy tích cực; Đảm bảo thời lượng giảng dạy và các quy định khác đảm bảo chất lượng;
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham dự lớp đầy đủ; Đi học đúng giờ; Hoàn thành tốt nhất các yêu cầu bài tập được giao về nhà và tại lớp;
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực; Giao tiếp, ứng xử văn minh, lịch sự; Điện thoại luôn để chế độ tắt tiếng hoặc tắt máy.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc văn hóa ứng xử của trường.

9. Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)


Hò-Vân-Hàn


Lê Thị Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM
BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên học phần tiếng Việt: Ngữ nghĩa học
2. Mã học phần: 120142
3. Tên học phần tiếng Anh: Semantics
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
☐ Giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở
☐ Kiến thức ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành
☐ Kiến thức bổ trợ
☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
5. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
30	30		60

6. Phụ trách học phần:

- a. Đơn vị phụ trách: Ngành NNA – Khoa NN- KHXH
- b. Giảng viên: ThS Lê Thị Mai
- c. Địa chỉ email liên hệ: mailt@bvu.edu.vn
- d. Điện thoại: 0399649640

II. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về ngữ nghĩa của ngôn ngữ Anh với các cách sử dụng ngôn ngữ đa dạng. SV được hệ thống hóa kiến thức về các cấp độ ngữ nghĩa tiếng Anh (từ, cụm từ, thành ngữ, câu, đoạn văn), tìm hiểu về các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa (semantic triangle, semantic properties, referring expressions, referent, sense, ...) và hình thái từ (figures of speech).



4. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1.1	Hiểu được bản chất của các khái niệm về ngữ nghĩa
	CLO1.2	Sinh viên nắm được hệ thống ngữ nghĩa tiếng Anh
	CLO1.3	Phân biệt được các loại ngữ nghĩa của từ và câu
CO2	CLO2.1	Hiểu được quan hệ ngữ nghĩa của từ, câu, & phát ngôn
	CLO2.2	Nắm được những quan điểm chuẩn mực và chính thống về ngữ nghĩa học; biết sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sinh động; hiểu được những ẩn ý và những suy luận của ngôn ngữ
	CLO2.3	Sử dụng được ngôn ngữ một cách hiệu quả trong giao tiếp
CO3	CLO3.1	Hiểu và vận dụng thành thạo các biện pháp tu từ của câu, từ đó áp dụng trong việc giảng dạy và ứng dụng ngôn ngữ tiếng Anh.
	CLO3.2	Có khả năng thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin hiệu quả phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của bản thân;
CO4	CL04	Có khả năng nghiên cứu độc lập về ngôn ngữ học
CO5	CLO5	Hiểu và vận dụng thành thạo kỹ năng xác lập mục tiêu từ đó xây dựng các mục tiêu học tập phù hợp; Có khả năng tự tạo động lực cho bản thân, phát triển khả năng tư duy các vấn đề liên quan đến ngành học.
CO6	CLO6	Nghiên túc học hỏi và tìm hiểu sâu về ngữ nghĩa học Yêu thích môn học và học tập nâng cao

Mã trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

A2. Đánh giá giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ dựa trên nội dung đã học tại lớp theo hình thức: Tự luận Tiêu chí đánh giá: Theo mức độ hiểu, ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế, theo yêu cầu của giảng viên.	Cuối buổi thứ 7	CLO1, CLO3, CLO5	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Hình thức: Tự luận Tiêu chí đánh giá bài thi: Về nội dung: Đảm bảo hiệu format và các dạng bài trong đề thi. Về các nội dung khác theo yêu cầu của bài đánh giá cuối kỳ.	Kết thúc học phần (Theo lịch thi chung của Trường)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
Tổng cộng				100%

7. Kế hoạch giảng dạy:

a. Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học:

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trò chơi, bài tập, thảo luận theo nhóm, hỏi – đáp nhanh, hoạt động cặp...

b. Phương tiện dạy và học:

Phương tiện dạy học bao gồm: máy chiếu, bảng, handouts, ...

c. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 1-4/3 buổi học (12 tiết)	Chương 1: Introduction: ✓Semantics - Word meaning 1.1. Semantic features 1.2. Semantic fields 1.3. Lexical gaps 1.4. Referent-reference-sense 1.5. Denotation-connotation 1.6. Multiple senses of lexical items	CLO1.1 CLO1.2 CLO3.1 CLO5	Tổ chức các hoạt động thảo luận, thuyết giảng & thuyết trình	Bài tập kiểm tra (Tự luận).	[1] [2] a, [1]b

Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn


Hs-Văn Thàn

Chịu trách nhiệm khoa học
Trưởng Khoa



PGS.TS Hoàng Văn Việt

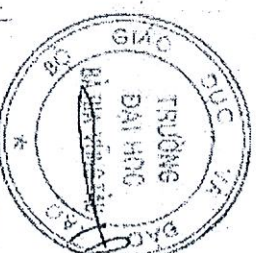
Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)


Ls Tài Hải

Giảng viên đọc lại, phản biện


PGS.TS Tài Hải




Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Ghi rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn
		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
KHOA: NGOẠI NGỮ VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

- I. Thông tin tổng quát:
1. Tên học phần tiếng Việt: Văn hoá Anh-Mỹ - Mã học phần: 120966
2. Tên học phần tiếng Anh: British - American Culture
3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
☐ Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành
☐ Kiến thức cơ sở ☐ Kiến thức bổ trợ
x Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. Số tín chỉ: 2 (2, 0, 6)

Tổng số (tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Số tiết tự học
30	30	0	60

5. Phụ trách học phần:

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội
 - b. Giảng viên: Võ Ngọc Toàn
 - c. Địa chỉ email liên hệ: toanvn@bvu.edu.vn
 - d. Phòng làm việc: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học Xã hội
- II. Thông tin về học phần:**
- I. Mô tả học phần:**

Học phần Văn hóa Anh - Mỹ cung cấp cho người học nội dung liên quan đến các thông tin cơ bản và đặc trưng về văn hóa của hai quốc gia nói tiếng Anh là Vương quốc Anh và Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ (gọi tắt là Anh và Mỹ). Chương trình học cung cấp kiến thức liên quan đến các yếu tố văn hóa căn bản của một quốc gia như vị trí địa lý, lịch sử, con người (bao gồm các dân tộc / sắc tộc) bản sắc, tôn giáo cũng như các đặc điểm về chính trị, giáo dục, tôn giáo...

Học phần điều kiện:

STT	Học phần điều kiện	Mã học phần
1	Môn nền quyết: Nghe, Nói, Đọc, Viết	

CO6	Sinh viên có thái độ nghiêm túc, chủ động, tích cực nghiên cứu trong học tập và trong chuyên môn.	PL013
-----	---	-------

3. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1	Hoàn thành học phần sinh viên có thể nắm vững các đặc điểm và giá trị văn hoá đặc trưng của Anh – Mỹ, lịch sử hình thành và phát triển của đất nước, con người, nông nghiệp cũng như các khía cạnh liên quan của hai đất nước, tính cách, thái độ và cảm xúc chung của người Anh – Mỹ.
CO2	CLO2	Sinh viên vận dụng kiến thức đã học được để biết cách miêu tả, phân biệt được đặc trưng của 2 nền văn hoá Anh và Mỹ trong các lĩnh vực con người, lịch sử, xã hội, kinh tế, giáo dục
CO3	CLO3	Hoàn thành học phần, sinh viên biết cách vận dụng các kiến thức đã học để có thể làm việc, hội nhập, thích nghi một cách thoải mái, tự tin trong môi trường đa văn hoá khi đi du học, du lịch hoặc làm việc đặc biệt là ở Anh – Mỹ. Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để giảm thiểu hoặc tránh được những cú sốc văn hoá hay những tình huống gây xúc phạm hoặc thất thố trong ứng xử do vô tình hoặc thiếu hiểu biết về văn hoá và phong tục tập quán khi tiếp xúc trong môi trường quốc tế.
CO4	CLO4	Hoàn thành học phần, sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, tranh luận, so sánh đối chiếu, thuyết trình về các giá trị văn hoá của Anh-Mỹ
CO5	CLO5	Sinh viên hình thành thái độ khách quan, cân trọng, cái nhìn đa chiều trong suy luận, phân tích, đánh giá cái hay, cái đẹp của nền văn minh văn hoá Anh-Mỹ, trân trọng và tự hào về bản sắc văn hoá Việt Nam.
CO6	CLO6	Sinh viên hình thành được thái độ nghiêm túc, chủ động, tích cực nghiên cứu trong học tập và trong chuyên môn.

			Đ R học hàn	ỷ l ệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
A1. Đánh giá quá trình	- Thực hiện đầy đủ nội quy lớp học; - Tích chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động tư ngã xã xây dựng bài trong giờ học; - Mức độ hoàn thành các bài tập thực hành ở nhà và nộp bài đầy đủ; - Tích tham dự lớp học của sinh viên Tiêu chí đánh giá: Số điểm tùy theo mức độ đáp ứng yêu cầu giảng viên đề ra.	Trong từng buổi học	CLO 5	20 %
A2. Đánh giá từ sinh viên	Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp theo hình thức trả c nghiệm + tự luận trong thời gian 60 phút Tiêu chí đánh giá: Đảm bảo tính chính xác, đúng ý	Giữa kỳ thi theo tiến độ của phòng Đào tạo	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 6	20 %
A3. Đánh giá cuối kỳ	Thiết kế thực học phần Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận Tiêu chí đánh giá bài thi: Đảm bảo tính chính xác, đúng ý	Thi cuối kỳ theo tiến độ của phòng Đào tạo	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 6	60 %
Tổng cộng				10 0 %

a. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần n/bu ổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài dẫn hướng	Tài liệu chính và tài liệu
---------------------------	-------------	--------------------	-------------------------	---------------------	--

			<p>trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, thuyết trình. 		
<p>Tuần 3 (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Religion - The Family 	<p>1.1.c.</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức về khía cạnh tôn giáo ở Mỹ, các tôn giáo phổ biến, tình hình sinh hoạt tôn giáo ở Mỹ, cũng như các đặc điểm về gia đình ở Mỹ, những giá trị gia đình cũng như thái độ của người Mỹ về giá trị gia đình. - Giảng viên giảng dạy trực tiếp - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, thuyết trình. 	<p>A1</p>	<p>Tài liệu</p> <p>1</p>
<p>Tuần 4 (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - The Educational System - Culture, Leisure, Entertainment, Sports - Holidays 	<p>1.1.d.</p>		<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức liên quan đến hệ thống giáo dục Hoa Kỳ cũng như những đặc điểm về văn hoá, xu hướng vui chơi, giải trí, thể thao và các ngày lễ phổ biến và 		

	United States (American Ways)	CL06	liên quan đến giáo dục ở Mỹ. - Giảng viên giảng dạy trực tiếp - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, thuyết trình.		
Tuần 7 (3 tiết)	L.4. Chương 12: The American Values at the Crossroads (American Ways) Review phần I		GIẢNG VIÊN: - Cung cấp kiến thức về những giá trị Mỹ trong mối tương quan với bản sắc dân tộc, tự do cá nhân, quyền công dân hay sự giàu có về vật chất cũng như tinh thần làm việc siêng năng, chăm chỉ. Giảng viên khái quát lại phần I: Văn hóa Mỹ đề giúp sinh viên ôn lại nội dung này. - Giảng viên giảng dạy trực tiếp - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. SINH VIÊN: - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, thuyết trình.		

			<p>dung liên quan.</p> <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, thuyết trình. 		
<p>Tuần 10 (3 tiết)</p>	<p>1.2. Chương 2: History</p> <p>1.2.a. Prehistory</p> <p>The Roman period</p> <p>The Germanic invasions</p>		<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức về các giai đoạn lịch sử cụ thể là thời kỳ tiền sử đến thế kỷ 9 cũng như các sự kiện lịch sử quan trọng diễn ra trong các giai đoạn này ở vương quốc Anh. Cung cấp kiến thức về các giai đoạn xâm chiếm của các tộc người vào nước Anh cũng như nguồn gốc hình thành các chủng tộc và ngôn ngữ Anh. - Giảng viên giảng dạy trực tiếp - Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước bài học. - Làm các bài tập, thuyết trình. 		
<p>Tuần 11 (3 tiết)</p>	<p>1.2.b. The Medieval period</p> <p>The Sixteenth century</p>		<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức về các giai đoạn lịch sử cụ thể là thời kỳ Trung cổ và thế kỷ 17 cũng như các sự kiện lịch sử quan trọng diễn ra trong các giai đoạn này ở vương quốc Anh. 		

			<ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu trước bài học.- Làm các bài tập, thuyết trình.		
Tuần 14 (3 tiết)	<p>I.3. Chương 4: Identity</p> <p>I.3.a. Ethnic identity:</p> <ul style="list-style-type: none">- The native British- The non-native British- The family		<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cung cấp kiến thức về những đặc điểm về bản sắc của các sắc tộc trong xã hội ở vương quốc Anh cũng như các yếu tố liên quan đến sự hình thành những bản sắc riêng đó. Sinh viên hiểu biết về các yếu tố bản sắc liên quan đến gia đình ở Anh. <ul style="list-style-type: none">- Giảng viên giảng dạy trực tiếp- Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu về các nội dung liên quan. <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu trước bài học.- Làm các bài tập, thuyết trình.		
Tuần 15 (3 tiết)	<p>I.3.b.</p> <ul style="list-style-type: none">-- Class- Social and everyday contacts		<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cung cấp kiến thức về những đặc điểm về giai cấp trong xã hội ở vương quốc Anh. Sinh viên hiểu về những mối quan hệ xã hội và trong sinh hoạt hàng ngày ở Vương quốc		

Chịu trách nhiệm khoa học

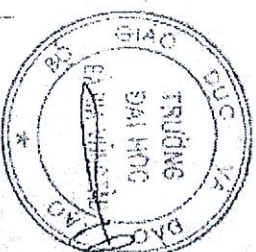
Trưởng Khoa

PGS.TS Hoàng Văn Việt

Giảng viên đọc lại, phản biện

Phạm Thị Thu Yến

Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo



GS.TS Nguyễn Lộc

a. Ngày cập nhật: 28-5-2021

<Chỉ rõ thời gian và nội dung cập nhật>

Trưởng Bộ môn	Trưởng khoa	Giảng viên biên soạn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA VŨNG TÀU
KHOA: NGOẠI NGỮ VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ MÔN: NGÔN NGỮ ANH
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

I. Thông tin tổng quát:

1. *Tên học phần tiếng Việt: Dẫn luận ngôn ngữ học - Mã học phần: 120042*
2. *Tên học phần tiếng Anh: Introduce to Linguistics*
3. *Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:*
☐ Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành
☒ Kiến thức cơ sở ☐ Kiến thức bổ trợ
☐ Kiến thức ngành ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. *Số tín chỉ: 2 (2,0,4)*

Tổng số (Tiết)	Lý thuyết (Tiết)	Thực hành (Tiết)	Số tiết tự học (Tiết)
30	30		60

5. Phụ trách học phần:

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ và Khoa học xã hội
- b. Giảng viên: Lê Thị Phương Mai
- c. Địa chỉ email liên hệ: mailtp@bvu.edu.vn
- d. Phòng làm việc: 1103- Cơ sở 1- 80 Trương Công Định, phường 3, Vũng Tàu

II. Thông tin về học phần:

1. Mô tả học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người; về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa; những tri thức nền tảng về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ nghĩa, Ngữ dụng; từ đó sinh viên có thể chủ động vận dụng để hiểu thêm về ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ chuyên ngành, ngoại ngữ 2 trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Bên cạnh đó, học phần này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

CO5	Sinh viên yêu thích học phần Dẫn luận ngôn ngữ học, có hứng thú tìm hiểu những tri thức về ngôn ngữ.	PLO
-----	--	-----

4. Chuẩn đầu ra (CDR) học phần – Course Learning Outcomes (CLOs):

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	CDR học phần (CLOs)	Mô tả CDR
CO1	CLO1	Giải thích được các thuật ngữ cơ bản về ngôn ngữ; giải thích được bản chất, chức năng của ngôn ngữ nói chung; trình bày được nguồn gốc, lịch sử phát triển của ngôn ngữ nhân loại
CO2	CLO2	Hiểu về cấu tạo của hệ thống ngôn ngữ; mô tả được các đặc điểm nhận dạng của các yếu tố cơ bản trong hệ thống ngôn ngữ; phân biệt được đặc trưng của các yếu tố cấu thành ngôn ngữ
CO3	CLO3	Có ý thức chủ động và tích cực vận dụng ngôn ngữ một cách đúng đắn, hiệu quả hơn
CO4	CLO4	Có kĩ năng tìm kiếm tài liệu, tự tin thuyết trình trước đám đông; có khả năng phối hợp, làm việc nhóm khi thiết kế bài giảng Power point, thiết kế các dạng trò chơi tìm hiểu kiến thức, thi đố và bài kiểm tra
CO5	CLO5	Tăng cường niềm yêu thích đối với ngành ngôn ngữ học nói chung và tiếng Anh chuyên ngành

Mã trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (tham khảo bảng minh họa):

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014
1														
2														
3														
4														
5														

A3. Đánh giá cuối kỳ	Sinh viên thi cuối kỳ dựa trên nội dung các chương 4-6 theo hình thức: Tự luận	Kết thúc học phần ít nhất 1 tuần.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
	Tiêu chí đánh giá bài thi: Tiêu chí đánh giá: Theo mức độ hiểu, vận dụng và trình bày các kiến thức đã học.	(Theo lịch thi chung của Trường)		
Tổng cộng				100%

7. Kế hoạch giảng dạy:

Tuần/ buổi học	Nội dung	CBDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
1	2	3	4	5	6
Tuần 1/buổi thứ 1 (3 tiết)	<p>Chương 1: Những vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học</p> <p>1. Ngôn ngữ</p> <p>1.1. Ngôn ngữ là gì</p> <p>1.2. Bản chất của ngôn ngữ</p> <p>1.3. Chức năng của ngôn ngữ</p> <p>2. Ngôn ngữ học</p> <p>2.1. Ngôn ngữ học là gì</p> <p>2.2. Nhiệm vụ của Ngôn ngữ học</p> <p>2.3. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ</p> <p>2.4. Các phân ngành Ngôn ngữ học cơ bản</p>	CLO1, CLO3, CLO4	GV thuyết giảng, tổ chức cho SV làm việc nhóm, thảo luận nội dung	Bài tập kiểm tra: hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy	[1]a, [2,3]b

Tuần 6/buổi thứ 6 (3 tiết)	<p>Chương 3: Ngữ pháp học (tt 2 & hết)</p> <p>3. Cú pháp học</p> <p>3.1. Ngữ (ngữ đoạn)</p> <p>3.2. Câu</p> <p>3.3. Quan hệ cú pháp</p> <p>Kiểm tra giữa kì</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	GV thuyết giảng, SV làm bài tập	Bài tập kiểm tra: nhận diện các quan hệ cú pháp	[1]a, [2,3,5]b
Tuần 7/buổi thứ 7 (3 tiết)	<p>Chương 4: Ngữ nghĩa học</p> <p>1. Đối tượng của ngữ nghĩa học</p> <p>2. Ngữ nghĩa học từ vựng</p> <p>2.1. Nghĩa và vật sở chỉ</p> <p>2.2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>2.3. Đa nghĩa và đồng âm</p> <p>2.4. Sự biến đổi ý nghĩa của từ</p> <p>2.5. Nét nghĩa</p> <p>2.6. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ</p> <p>2.7. Các lớp từ vựng</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	GV thuyết giảng, tổ chức cho SV làm việc nhóm, thảo luận nội dung	Bài tập kiểm tra: nhận diện và giải thích được các hiện tượng ngữ nghĩa	[1]a, [2,3,5]b
Tuần 8/buổi thứ 8 (3 tiết)	<p>Chương 4: Ngữ nghĩa học (tt và hết)</p> <p>3. Ngữ nghĩa học cú pháp</p> <p>3.1. Nghĩa biểu hiện và nghĩa logic-ngôn từ</p> <p>3.2. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu</p> <p>3.3. Vai nghĩa</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	GV thuyết giảng, tổ chức cho SV làm việc nhóm, thảo luận nội dung	Bài tập kiểm tra: nhận diện và phân biệt được các hiện tượng ngữ nghĩa	[1]a, [2,3,5]b

d. Quy định về cấm thi cuối kỳ: Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học của học phần sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

e. Nội quy lớp học:

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy đúng theo đề cương, kế hoạch giảng dạy; Phương pháp giảng dạy tích cực; Đảm bảo thời lượng giảng dạy và các quy định khác đảm bảo chất lượng;
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham dự lớp đầy đủ; Đi học đúng giờ; Hoàn thành tốt nhất các yêu cầu bài tập được giao về nhà và tại lớp;
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực; Giao tiếp, ứng xử văn minh, lịch sự; Điện thoại luôn để chế độ tắt tiếng hoặc tắt máy.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc văn hóa ứng xử của trường.

Ngày biên soạn: 28-5-2021

Kiểm soát chuyên môn
Trưởng Bộ môn

Le Văn Hsin

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu
Lê Thị Phương Nại

Chịu trách nhiệm khoa học
Trưởng Khoa

Leua

Giảng viên đọc lại, phân biện

Phạm Thị Hsin

PGS.TS Hoàng Văn Việt

Phê chuẩn của
Chủ tịch hội đồng
khoa học và đào tạo

Phu

GS.TS Nguyễn Lộc